

Kính gửi:

- Cấp ủy cơ sở trực thuộc,
- Các Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc
Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố.

Thực hiện Công văn số 4197-CV/VPTU, ngày 24/4/2026 của Văn phòng Thành ủy về việc triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn mới của Trung ương về chuyển đổi số trong Đảng (*Quy chế số 07-QC/TW, ngày 31/10/2025 của Ban Bí thư về tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng; các văn bản của Văn phòng Trung ương Đảng: Quy chế số 01-QC/VPTW, ngày 29/05/2026 về quản lý và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến trong các cơ quan Đảng; Hướng dẫn số 07-HD/VPTW, ngày 29/05/2026 về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan Đảng; Quyết định số 308-QĐ/VPTW, ngày 01/6/2026 về ban hành Tờ diễn dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0 trong các cơ quan Đảng; Quy định số 347-QĐ/VPTW, ngày 12/6/2026 về định danh và xác thực điện tử trong hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng*). Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị các Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy và cấp ủy cơ sở trực thuộc tập trung thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

- Căn cứ vào các quy chế, quyết định, quy định, hướng dẫn mới của Trung ương nêu trên, chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với thực tiễn của đơn vị.

- Nghiên cứu, triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trong quá trình tác nghiệp trên môi trường điện tử, sử dụng các hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh thông tin theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị các Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy và cấp ủy cơ sở trực thuộc thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nội dung trên.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Nguyễn Thanh Xuân

*

Số 4197 -CV/VPTU

Về việc triển khai thực hiện các quy định,
hướng dẫn mới của Trung ương về chuyển đổi số
trong Đảng

Kính gửi: - Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Thành ủy,
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Quy chế số 07-QC/TW, ngày 31/10/2025 của Ban Bí thư về tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng; các văn bản của Văn phòng Trung ương Đảng: Quy chế số 01-QC/VPTW, ngày 29/05/2026 về quản lý và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến trong các cơ quan Đảng; Hướng dẫn số 07-HD/VPTW, ngày 29/05/2026 về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan Đảng; Quyết định số 308-QĐ/VPTW, ngày 01/6/2026 về ban hành Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0 trong các cơ quan Đảng; Quy định số 347-QĐ/VPTW, ngày 12/6/2026 về định danh và xác thực điện tử trong hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, đồng chí Đặng Minh Thông, Phó Bí thư Thành ủy, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo 57 Thành phố chỉ đạo:

- Căn cứ vào các quy chế, quy định, hướng dẫn mới của Trung ương nêu trên, các đơn vị chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế của địa phương, đơn vị mình đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với thực tiễn của đơn vị.

- Các cấp ủy, cơ quan đảng nghiên cứu, triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trong quá trình tác nghiệp trên môi trường điện tử, sử dụng các hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh thông tin theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Văn phòng Thành ủy xin thông báo để các cấp ủy, cơ quan đảng Thành phố biết, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Trân trọng./.

(Gửi kèm Quy chế số 07-QC/TW, Quy chế số 01-QC/VPTW, Hướng dẫn số 07-HD/VPTW, Quyết định số 308-QĐ/VPTW và Quy định số 347-QĐ/VPTW).

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đồng chí Đặng Minh Thông, Phó Bí thư Thành ủy,
Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo 57
Thành phố (để báo cáo),
- Văn phòng Thành ủy: Lãnh đạo, các phòng,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG


Phạm Văn Hiền



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 07-QC/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2025

QUY CHẾ

tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;
- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;
- Căn cứ Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13;
- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;
- Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13;
- Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14;
- Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14;
- Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;
- Căn cứ Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg, ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng để thống nhất áp dụng trong các cơ quan, tổ chức đảng từ Trung ương đến cấp xã, phường, đặc khu nhằm bảo đảm hoạt động liên tục, ổn định, hiệu quả, tin cậy, an toàn của mạng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức đảng từ Trung ương đến cấp xã, phường, đặc khu, cá nhân có thiết bị, mạng máy tính kết nối, sử dụng hệ thống mạng máy tính của Đảng; tham gia cung cấp dịch vụ, quản lý, giám sát, vận hành và khai thác hệ thống mạng máy tính của Đảng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Hệ thống mạng máy tính của Đảng bao gồm Mạng thông tin diện rộng của Đảng và Mạng Internet phục vụ cho các cơ quan, tổ chức đảng.

Mạng thông tin diện rộng của Đảng (mạng Intranet của Đảng) là hệ thống mạng máy tính thiết lập trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và viễn thông quốc gia; sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước để kết nối mạng máy tính nội bộ của các cơ quan, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương (tỉnh uỷ, thành uỷ; đảng uỷ các xã, phường, đặc khu), một số cơ quan đặc thù phục vụ các quy trình nghiệp vụ của các cơ quan đảng, các hệ thống thông tin, trung tâm dữ liệu và mạng di động dùng riêng; tích hợp các giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ để xác thực, bảo mật thông tin, dữ liệu trên mạng.

Mạng Internet phục vụ cho cơ quan, tổ chức đảng là hệ thống mạng máy tính cung cấp cho người sử dụng khả năng truy nhập mạng Internet, bao gồm hạ tầng kết nối (có dây và không dây), các mạng máy tính nội bộ của các cơ quan, tổ chức đảng, các thiết bị máy tính, thiết bị di động thông minh và các thiết bị đầu cuối khác khi có nhu cầu kết nối và sử dụng để truy cập, khai thác các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng, dịch vụ dùng chung của Đảng trên môi trường Internet.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước là mạng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước, được tổ chức, quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin để trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước. Việc quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin và các tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan của Đảng, Nhà nước.

Mạng máy tính chuyên dùng được hiểu là mạng máy tính sử dụng xử lý thông tin chứa bí mật nhà nước, được tách biệt với mạng máy tính kết nối Internet.

Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng (sau đây gọi tắt là Trung tâm dữ liệu) là nơi tập hợp các máy chủ; thiết bị mạng; các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng, dịch vụ dùng chung; hệ thống sao lưu, bảo vệ dữ liệu

tập trung; hệ thống kiểm soát, giám sát, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; hạ tầng hệ thống phụ trợ.

Hạ tầng kỹ thuật là tập hợp máy tính (máy chủ, máy trạm), thiết bị ngoại vi (USB, ổ cứng cắm ngoài, máy in, máy quét), thiết bị kết nối mạng, thiết bị chuyên dụng, các phần mềm hệ thống và các thiết bị phụ trợ (lưu điện, camera, chống sét, phát hiện, cảnh báo, phòng, chống cháy nổ), mạng nội bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN).

Hệ thống thông tin là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập để phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên mạng.

Dịch vụ dùng chung là các dịch vụ hạ tầng, nền tảng, phần mềm hay tiện ích số được triển khai tập trung, thống nhất để nhiều cơ quan, tổ chức khai thác và sử dụng.

Ứng dụng số dùng chung là hệ thống phần mềm, nền tảng hoặc dịch vụ số được xây dựng và triển khai tập trung, cho phép nhiều cơ quan, tổ chức trong cùng một hệ thống (hoặc trên phạm vi toàn quốc) cùng khai thác, sử dụng để thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công và chia sẻ dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

Mã độc hại là một phần mềm máy tính được chèn một cách bí mật vào hệ thống với mục đích làm tổn hại đến tính bí mật, tính toàn vẹn hoặc tính sẵn sàng của hệ thống.

An toàn thông tin bao gồm các hoạt động quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung thông tin đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra, bảo đảm cho các hệ thống thực hiện đúng chức năng một cách sẵn sàng, ổn định và tin cậy; an toàn thông tin bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng máy tính.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Hệ thống mạng máy tính của Đảng trong Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng theo Quyết định số 333-QĐ/TW, ngày 24/6/2025 được thiết lập từ Trung ương đến cơ sở, phù hợp với mô hình tổ chức của các cơ quan, tổ chức đảng; bảo đảm thống nhất trong tổ chức, quản lý, kết nối và bảo đảm an toàn thông tin; việc quản lý, trao đổi, khai thác, lưu trữ thông tin của cơ quan, tổ chức đảng thông qua hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng phải bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin.

2. Các hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, thiết bị đầu cuối khi kết nối vào hệ thống mạng máy tính của Đảng phải tuân thủ quy định về tiêu chuẩn, kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng của Đảng, Nhà nước và Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

3. Không kết nối trực tiếp giữa mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet của cơ quan Đảng. Chỉ thực hiện kết nối khi có các giải pháp bảo mật, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin được các cơ quan chức năng xác nhận. Máy tính kết nối với mạng thông tin diện rộng của Đảng không được kết nối đồng thời hoặc luân phiên với mạng Internet và ngược lại.

4. Không sử dụng giải pháp truyền dẫn không dây để kết nối với mạng thông tin diện rộng của Đảng khi chưa có giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ.

5. Các thiết bị công nghệ thông tin phải được kiểm tra an ninh, an toàn theo các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước trước khi đưa vào sử dụng bởi cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

6. Hoạt động bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời, hiệu quả và chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi hành vi xâm phạm an ninh mạng.

7. Việc thu thập, xử lý và sử dụng dữ liệu cá nhân trên hệ thống mạng máy tính của Đảng phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng và bảo vệ quyền riêng tư hợp pháp của chủ thể dữ liệu.

8. Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu về điện, điều hoà, phòng ốc, phòng, chống cháy, nổ để bảo đảm cho hệ thống hoạt động an toàn, ổn định, liên tục. Bảo đảm hệ thống điện dự phòng hoạt động 24/24h đến khi khôi phục lại điện lưới.

Chương II

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ HỆ THỐNG MẠNG MÁY TÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 5. Tổ chức, kết nối hệ thống mạng máy tính của Đảng

1. Hệ thống mạng máy tính của Đảng tổ chức thành 2 phân hệ mạng:

a) Mạng thông tin diện rộng của Đảng (mạng Intranet): Kết nối từ Trung ương đến địa phương và các tổ chức đảng (Trung ương, tỉnh uỷ/thành uỷ, đảng uỷ cấp xã/phường/đặc khu) sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước với băng thông rộng, tốc độ cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xử lý luồng nghiệp vụ, phục vụ công tác chuyên môn, chỉ đạo

điều hành của lãnh đạo cấp uỷ các cấp. Hệ thống mạng máy tính này tích hợp các giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ đáp ứng yêu cầu triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có chứa thông tin cấp độ từ "Tối mật" trở xuống (Tối mật đến đảng uỷ cấp tỉnh/thành phố; Mật đến đảng uỷ cấp xã/phường/đặc khu).

b) Mạng Internet phục vụ các cơ quan, tổ chức đảng: Có phạm vi kết nối rộng, phục vụ người dùng là cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, tổ chức đảng.

c) Dữ liệu liên thông giữa mạng Intranet và mạng Internet: Dữ liệu giữa hai phân hệ mạng Intranet và Internet được truyền nhận theo các giải pháp bảo mật được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận, có kiểm soát, giám sát chặt chẽ và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin bí mật nhà nước.

d) Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, dịch vụ dùng chung triển khai tập trung tại Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và trụ sở Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Hệ thống Hội nghị truyền hình kết nối từ Trung ương đến cấp xã/phường/đặc khu sử dụng hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng; tích hợp giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ với phiên hợp có nội dung mật.

3. Các mạng máy tính chuyên dùng khác được triển khai theo các mô hình riêng biệt, dựa trên các căn cứ đặc thù, đáp ứng yêu cầu thực hiện của cơ quan, tổ chức và do lãnh đạo cấp uỷ đơn vị đề xuất, lãnh đạo cấp uỷ quản lý xem xét, quyết định, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

Điều 6. Quản lý, vận hành hệ thống mạng máy tính của Đảng

1. Đối với Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng

a) Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm:

- Trực tiếp quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng, tuân thủ theo quy định.

- Thiết lập khu vực hạn chế tiếp cận, chỉ những cá nhân có quyền, nhiệm vụ theo quy định của Văn phòng Trung ương Đảng, Trung tâm dữ liệu quốc gia mới được phép vào khu vực Trung tâm dữ liệu. Quá trình vào, ra phải được ghi nhận vào nhật ký quản lý Trung tâm dữ liệu.

- Khi có sự cố mất điện lưới, phải bảo đảm hệ thống lưu điện, nguồn điện dự phòng (máy nổ) có đủ công suất để duy trì hoạt động của Trung tâm dữ liệu đến khi có điện lưới trở lại.

- Thiết lập cơ chế bảo vệ cho các thiết bị kết nối mạng, thiết bị bảo mật quan trọng như tường lửa, thiết bị định tuyến, hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ;

thường xuyên theo dõi, phát hiện xâm nhập và biện pháp kiểm soát truy nhập, kết nối vật lý phù hợp với từng khu vực.

- Triển khai các giải pháp hiện đại, đồng bộ để bảo đảm việc truyền nhận dữ liệu giữa mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet phục vụ các cơ quan, tổ chức đảng an toàn, an ninh, bảo mật dữ liệu.

- Xây dựng nội quy làm việc tại khu vực Trung tâm dữ liệu; phân công cán bộ thường xuyên giám sát thiết bị, hạ tầng của Trung tâm dữ liệu.

b) Cơ quan, tổ chức đảng thực hiện quản lý hệ thống thông tin sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin trong Trung tâm dữ liệu có trách nhiệm xây dựng quy chế phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng quản lý, vận hành hệ thống; phân công đầu mối chịu trách nhiệm đối với hệ thống thông tin; tổ chức vận hành và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị mình.

2. Đối với mạng thông tin diện rộng của Đảng

a) Văn phòng Trung ương Đảng là cơ quan trực tiếp quản lý mạng thông tin diện rộng của Đảng, bảo đảm:

- Mạng thông tin diện rộng của Đảng được thiết kế phân vùng theo chức năng cơ bản (theo các chính sách an toàn thông tin riêng), bao gồm: Vùng mạng máy chủ công cộng; vùng mạng máy chủ nội bộ; vùng mạng bên ngoài, vùng mạng kết nối với các hệ thống mạng khác, vùng mạng cơ sở dữ liệu và các vùng mạng khác theo yêu cầu chức năng của từng nhiệm vụ.

- Tổ chức giám sát dữ liệu trao đổi giữa các vùng mạng, việc giám sát thực hiện bởi hệ thống các thiết bị bảo mật và giám sát an toàn, an ninh thông tin; thiết lập, cấu hình các tính năng theo thiết kế của các trang thiết bị bảo mật mạng; thực hiện các biện pháp, giải pháp để dò tìm và phát hiện kịp thời các điểm yếu, lỗ hổng về mặt kỹ thuật của hệ thống mạng; thường xuyên kiểm tra, phát hiện những kết nối, trang thiết bị, phần mềm cài đặt bất hợp pháp vào mạng.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng mạng thông tin diện rộng của Đảng có trách nhiệm:

- Không tiết lộ thiết kế, thông số cấu hình hệ thống mạng nội bộ cho tổ chức, cá nhân khác; không được phép truy cập bất hợp pháp vào các khu vực không được cấp quyền.

- Không được tự ý thay đổi những thông số mạng hay tự ý đưa các thiết bị mạng, thiết bị viễn thông khác tham gia kết nối vào hệ thống mạng.

- Các cơ quan, tổ chức đảng khi có kết nối trực tiếp vào mạng của Đảng với mục đích phục vụ công việc, chia sẻ dữ liệu phải tuân theo các quy định, các tiêu chuẩn kỹ thuật của Đảng, Nhà nước (các cơ quan, tổ chức đặc thù khi kết

nối vào mạng của Đảng cần được sự đồng ý bằng văn bản của Văn phòng Trung ương Đảng).

3. Đối với mạng Internet phục vụ các cơ quan, tổ chức đảng

a) Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chuyên môn áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động kết nối Internet, tối thiểu đáp ứng các yêu cầu sau: Có hệ thống tường lửa và hệ thống bảo vệ các vùng truy nhập Internet, đáp ứng nhu cầu kết nối đồng thời, hỗ trợ các công nghệ mạng riêng ảo (VPN) thông dụng, có phần cứng mã hoá tích hợp để tăng tốc độ mã hoá dữ liệu, có khả năng bảo vệ hệ thống trước các loại tấn công từ chối dịch vụ (DDoS); lọc bỏ, không cho phép truy nhập các trang tin có nghi ngờ chứa mã độc hoặc các nội dung không phù hợp.

b) Cơ quan, đơn vị trong các cơ quan Đảng thực hiện quản lý, triển khai các hệ thống thông tin sử dụng hạ tầng tại Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng từ bước thiết kế hệ thống thông tin, kiểm tra và đánh giá an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu theo cấp độ quy định của Đảng, Nhà nước trước khi đưa hệ thống vào sử dụng và các hệ thống thông tin sử dụng hạ tầng tại Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng khi được cấp tài khoản truy cập vào hệ thống qua mạng riêng ảo (VPN).

c) Đối với các cá nhân có liên quan

Cá nhân sử dụng mạng máy tính có kết nối Internet, sử dụng tài khoản truy cập hệ thống phải tuân thủ quy định tại Quy chế này. Khi phát hiện các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng, kịp thời thông báo cho cán bộ công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại đơn vị mình để phối hợp xử lý

Chương III

SỬ DỤNG HỆ THỐNG MẠNG MÁY TÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 7. Các dịch vụ hệ thống

1. Dịch vụ bảo đảm kết nối, trao đổi, khai thác và xử lý dữ liệu, gồm: Dịch vụ tên miền (DNS), thư điện tử, dịch vụ (Web), dịch vụ truyền tệp (FTP), các hệ quản trị cơ sở dữ liệu, dịch vụ hội nghị trực tuyến, dịch vụ kết nối mạng riêng ảo (VPN)...

2. Dịch vụ bảo đảm hạ tầng tính toán, lưu trữ trên đám mây (Cloud server, Cloud storage, Bigdata, DataLake,...).

3. Dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống và bảo mật dữ liệu, gồm: Dịch vụ dịch chuyển địa chỉ IP (NAT), dịch vụ lưu giữ và

cung cấp dữ liệu tại chỗ (Caching), dịch vụ phát hiện và ngăn chặn truy nhập trái phép (IDS, Firewall), dịch vụ giám sát truy nhập mạng và ứng dụng, dịch vụ phòng, chống tấn công mạng cho ứng dụng web, dịch vụ bảo đảm an toàn cho máy chủ cơ sở dữ liệu, dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử, dịch vụ sao lưu và khôi phục dữ liệu, dịch vụ phát hiện và diệt virus, dịch vụ chứng thực chữ ký số, dịch vụ quản lý và phân phối khoá mã, dịch vụ mật mã.

Điều 8. Cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ hệ thống

1. Dịch vụ hệ thống chỉ được sử dụng để phục vụ việc quản lý hạ tầng kỹ thuật, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo vệ và bảo mật các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng.

2. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quản lý, vận hành, cung cấp tập trung các dịch vụ hệ thống dùng chung để sử dụng thống nhất trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm bảo đảm về dung lượng, tốc độ, chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin của mạng truyền số liệu chuyên dùng, dịch vụ hội nghị trực tuyến theo yêu cầu của các cơ quan Đảng.

4. Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp cung cấp giải pháp, sản phẩm về chứng thực chữ ký số, quản lý và phân phối khoá mật mã, thực hiện mã hoá, giám sát an toàn thông tin trên mạng thông tin diện rộng của Đảng, phù hợp với các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng.

5. Các cơ quan Đảng ở Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức tham gia mạng máy tính của Đảng có trách nhiệm phối hợp tổ chức cung cấp, quản lý, sử dụng các dịch vụ hệ thống trên mạng máy tính của cơ quan và mạng thông tin diện rộng của cấp uỷ theo Quy chế này; quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã theo quy định.

6. Cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên khi sử dụng các dịch vụ hệ thống theo nhiệm vụ được giao phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, sử dụng các dịch vụ hệ thống theo Quy chế này.

Điều 9. Các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số

1. Các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số phải phù hợp Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; trước khi triển khai phải được kiểm tra, thẩm định, đánh giá an toàn thông tin theo quy định.

2. Thông tin, dữ liệu có cấp độ "Mật", "Tối mật" chỉ được soạn thảo, trao đổi, xử lý và lưu trữ trên mạng thông tin diện rộng của Đảng khi có giải pháp

bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ, tuân thủ theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định liên quan.

3. Tuân thủ quy trình, quy định kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin, bảo mật theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cần cụ thể hoá các nội dung: Quy trình vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống; trách nhiệm sao lưu, phục hồi dữ liệu; cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác.

Điều 10. Cung cấp, quản lý, sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số

1. Quy trình tổ chức thực hiện

a) Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì hướng dẫn, phê duyệt danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật, phương án an toàn thông tin các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số và xây dựng danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng dùng chung của Đảng.

b) Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật và khai thác các hệ thống thông tin theo đúng Quy chế, tiêu chuẩn và hướng dẫn chung; ban hành quy trình thẩm định, nghiệm thu hệ thống trước khi đưa vào khai thác.

c) Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp kiểm tra, giám sát an toàn thông tin, cung cấp giải pháp bảo mật phù hợp với cấp độ của hệ thống thông tin.

2. Yêu cầu kỹ thuật và bảo mật

a) Trước khi triển khai

Hệ thống phải được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, phân loại cấp độ an toàn; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được phê duyệt theo các quy định và hướng dẫn của Đảng, Nhà nước.

b) Khi vận hành

- Chỉ phân quyền truy cập cho người dùng có trách nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao.

- Cập nhật thường xuyên các bản vá lỗi bảo mật.

- Dữ liệu chứa thông tin bí mật nhà nước phải được mã hoá bằng sản phẩm mật mã chuyên dùng của ngành Cơ yếu.

- Định kỳ báo cáo, đánh giá hiệu quả khai thác, an toàn thông tin của các hệ thống.

Chương IV

BẢO VỆ HỆ THỐNG MẠNG MÁY TÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 11. An toàn thông tin

1. Yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn thông tin

a) Bảo đảm đầy đủ điều kiện hạ tầng kỹ thuật, giải pháp công nghệ, thường xuyên cập nhật thông tin, dữ liệu, các mẫu phân tích. Việc kết nối, thu thập, phân tích dữ liệu được tập trung nhằm phục vụ giám sát an toàn thông tin cho hệ thống thông tin dùng chung của các cơ quan Đảng.

b) Có khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm phạm, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin dùng chung cho các cơ quan Đảng. Tăng cường an toàn cho các ứng dụng web bằng cập nhật các biện pháp bảo vệ mới nhất.

c) Bảo đảm năng lực tích hợp, xử lý và phân tích lượng dữ liệu lớn, liên tục; năng lực phân tích, phát hiện tấn công và đưa ra cảnh báo một cách chính xác, nhanh chóng và kịp thời.

d) Tăng cường khả năng phòng thủ trước các mối hiểm họa từ các truy cập vào/ra hệ thống được kiểm soát chặt chẽ tối đa.

đ) Thống kê tình hình tấn công vào các ứng dụng (số lỗi, kỹ thuật tấn công, tần suất, nguồn gốc tấn công), tra cứu thông tin phục vụ quá trình điều tra.

e) Hệ thống giám sát nhanh chóng phát hiện, đưa ra cảnh báo về các lỗ hổng bảo mật đặc biệt là các lỗi diện rộng. Thống kê về các lỗi bảo mật, các điểm yếu trên mạng. Có dữ liệu thống kê nhanh theo lỗi bảo mật, nguồn địa chỉ IP, tổ chức...

g) Cung cấp báo cáo, thống kê hiện trạng an toàn thông tin như: Phát hiện tấn công, lỗ hổng bảo mật, kết quả dò quét hệ thống được tự động hoá.

h) Các giải pháp hạ tầng và an ninh mạng giúp hệ thống bảo mật an toàn an ninh thông tin toàn diện, tránh khỏi các rủi ro và nguy cơ đã được đề cập.

i) Nâng cao năng lực theo dõi, thu thập, phân tích, phát hiện sự cố và điều phối, ứng phó sự cố trên toàn mạng lưới; bảo đảm có hệ thống lưu trữ log phục vụ công tác điều tra số khi có sự cố xảy ra; sử dụng các công cụ AI và học máy để chủ động phát hiện sớm các hành vi gây mất an toàn thông tin mạng.

k) Bảo đảm các điều kiện cho toàn bộ hệ thống hoạt động liên tục, sẵn sàng.

l) Bảo đảm hệ thống giám sát an toàn thông tin được kết nối, chia sẻ thông tin giám sát với các cơ quan, đơn vị khác như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia quản lý, vận hành, cập nhật, lưu giữ, trao đổi và khai thác thông tin, dữ liệu trên mạng thông tin diện rộng của Đảng phải tuân thủ các quy định của Đảng, Nhà nước và pháp luật liên quan và các quy định sau:

a) Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng trên mạng thông tin diện rộng của Đảng phải bảo đảm các yêu cầu về an toàn thông tin.

b) Thông tin lưu giữ và trao đổi ở cấp độ "Thường" không phải mã mật; thông tin bí mật nhà nước cấp độ "Mật", "Tối mật" truyền đưa, lưu giữ trên hệ thống mạng máy tính của Đảng phải được mã hoá bằng mật mã của cơ yếu; thông tin bí mật nhà nước cấp độ "Tuyệt mật" phải gửi, nhận qua hệ thống mạng liên lạc cơ yếu.

c) Cấm truy cập trái phép vào các hệ thống thông tin, cung cấp, sao chép, lưu giữ, trao đổi các dữ liệu không thuộc thẩm quyền; không được tiết lộ thông số, tài liệu kỹ thuật về mạng; phải có trách nhiệm quản lý, bảo vệ bí mật tài khoản, mật khẩu, thiết bị lưu giữ an toàn, thiết bị lưu khoá bí mật được cấp...

d) Cấm sử dụng hệ thống mạng máy tính của Đảng để lan truyền, phát tán các thông tin nhằm chống phá các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, lây nhiễm virus, gửi thư rác,...

đ) Việc sao chép dữ liệu từ máy tính kết nối Internet, các máy tính khác vào máy tính kết nối trong mạng thông tin diện rộng của Đảng phải được thực hiện bằng thiết bị lưu giữ an toàn của ngành Cơ yếu hoặc các thiết bị lưu giữ dữ liệu khác, với điều kiện các thiết bị này đã được cài đặt và bảo đảm giải pháp an toàn thông tin theo quy định của cơ quan chức năng có thẩm quyền; đồng thời phải được kiểm tra, quét mã độc, diệt virus (nếu có) trước khi sử dụng.

Điều 12. An toàn hệ thống

1. Hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; phải được xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì hoạt động, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về điện, điều hoà, an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật và của Đảng.

2. Các mạng máy tính kết nối với mạng thông tin diện rộng của Đảng phải bảo đảm:

a) Thiết bị, phần mềm phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

b) Trước khi kết nối vào mạng thông tin diện rộng của Đảng phải được kiểm tra về an toàn và được các cơ quan chức năng xác nhận.

c) Định kỳ được rà soát, kiểm tra, đánh giá, bổ sung hằng năm và thay thế để bảo đảm an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao.

3. Các hệ thống thông tin kết nối vào mạng thông tin diện rộng của Đảng phải:

a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xác nhận cấp độ an toàn thông tin theo quy định.

b) Bảo đảm tính sẵn sàng cao, hoạt động ổn định, liên tục và bảo đảm người dùng có thể truy cập dịch vụ mọi lúc, mọi nơi.

4. Đối với thông tin, dữ liệu ứng dụng, thông tin hệ thống, thông tin người dùng phải được thực hiện:

a) Sao lưu định kỳ.

b) Dữ liệu sao lưu phải bảo đảm quy tắc 3 - 2 - 1: 3 bản sao dữ liệu - 2 loại phương tiện lưu trữ khác nhau - 1 bản sao lưu ở vị trí địa lý khác.

c) Định kỳ kiểm tra kết quả sao lưu, bảo vệ, khôi phục dữ liệu. Quản lý sao lưu dự phòng tập trung bằng hệ thống và giải pháp quản lý lưu trữ tập trung. Giải pháp sao lưu, dự phòng giúp bảo vệ dữ liệu, phục hồi hoạt động khi hệ thống gặp sự cố, thiên tai, bị mã hoá dữ liệu trái phép.

5. Các thiết bị lưu giữ dữ liệu phải được quản lý, định kỳ kiểm kê hằng năm và tiêu huỷ theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Thiết lập, duy trì hệ thống phần mềm diệt virus, mã độc hại để phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời việc lây lan, tấn công của các loại virus, mã độc hại trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.

7. Các máy chủ, máy trạm, máy tính xách tay trong mạng thông tin diện rộng của Đảng phải được định danh, cài đặt phần mềm diệt virus, mã độc hại. Những máy tính khi phát hiện có virus, mã độc hại phải được tách khỏi mạng; phải diệt virus, mã độc hại và kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng trong mạng.

8. Phần mềm diệt virus, mã độc hại phải được cập nhật thường xuyên, kịp thời các bản vá lỗi, các mẫu virus mới, mã độc hại mới.

9. Chủ động kiểm tra, phát hiện, kịp thời vá lỗi phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng.

10. Triển khai các phương án bảo đảm an toàn mạng máy tính:

a) Phương án quản lý truy cập, quản trị hệ thống từ xa an toàn sử dụng mạng riêng ảo hoặc phương án tương đương; sử dụng giải pháp mạng riêng ảo đối với hệ thống thông tin có xử lý thông tin bí mật nhà nước hoặc hệ thống thông tin quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

b) Phương án quản lý truy cập giữa các vùng mạng và phòng, chống xâm nhập sử dụng giải pháp tường lửa có tích hợp chức năng phòng, chống xâm nhập hoặc giải pháp phòng, chống xâm nhập lớp mạng.

c) Phương án phòng, chống tấn công mạng cho ứng dụng web; sử dụng giải pháp tường lửa ứng dụng web đối với các hệ thống thông tin được quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

d) Phương án cân bằng tải, dự phòng nóng cho các thiết bị mạng chính, tối thiểu bao gồm thiết bị chuyển mạch trung tâm hoặc tương đương, thiết bị tường lửa trung tâm, tường lửa ứng dụng web, hệ thống lưu trữ tập trung, tường lửa cơ sở dữ liệu (nếu có).

đ) Phương án bảo đảm an toàn cho máy chủ cơ sở dữ liệu; sử dụng giải pháp tường lửa cơ sở dữ liệu đối với hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

e) Phương án chặn lọc phần mềm độc hại trên môi trường mạng sử dụng tường lửa tích hợp chức năng phòng, chống mã độc trên môi trường mạng hoặc phương án tương đương.

g) Phương án phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ; sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp hoặc giải pháp phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ đối với các hệ thống trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hệ thống định danh, xác thực điện tử, chứng thực điện tử, chữ ký số và hệ thống kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu, đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

h) Phương án bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử; sử dụng giải pháp bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử đối với hệ thống thư điện tử, đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

i) Phương án quản lý truy cập lớp mạng; sử dụng giải pháp quản lý truy cập lớp mạng đối với hệ thống mạng nội bộ, trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng, đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

k) Phương án quản lý phần mềm phòng, chống mã độc trên máy chủ, máy tính người dùng, sử dụng giải pháp phòng, chống mã độc và/hoặc giải pháp phát hiện và phản ứng sự cố an toàn thông tin trên thiết bị đầu cuối, có chức năng quản lý tập trung.

l) Phương án phòng, chống thất thoát dữ liệu; sử dụng giải pháp phòng, chống thất thoát dữ liệu đối với hệ thống thông tin có xử lý thông tin bí mật nhà nước hoặc hệ thống thông tin quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

Điều 13. Xử lý sự cố máy tính, mạng máy tính

1. Công tác phối hợp xử lý sự cố mạng máy tính thực hiện theo quy định của Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. Các cơ quan, tổ chức đảng xây dựng quy trình, phân công trách nhiệm, phối hợp khắc phục sự cố, bảo đảm sự cố được khắc phục trong thời gian ngắn nhất; giảm thiểu tối đa khả năng lặp lại sự cố.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, bảo đảm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, nhanh chóng xử lý, khắc phục hậu quả sự cố.

4. Chuẩn hoá và diễn tập quy trình ứng phó sự cố để tăng tính thực tiễn cụ thể:

a) Ban hành quy định về phối hợp khắc phục, xử lý sự cố, cấp độ cảnh báo làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị thực hiện.

b) Tổ chức diễn tập định kỳ các kịch bản sự cố (ví dụ: Tấn công mã độc tổng tiền, tấn công từ chối dịch vụ, rò rỉ dữ liệu) với sự phối hợp của các đơn vị liên quan (Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng) để bảo đảm khả năng phản ứng nhanh chóng và hiệu quả khi có sự cố thật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Trung ương Đảng

a) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện

- Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế; hướng dẫn việc bảo đảm kinh phí để thực hiện Quy chế.

- Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí để duy trì, vận hành Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng và Trung tâm điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng của các cơ quan Đảng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc cập nhật, khai thác, sử dụng, trao đổi thông tin đúng quy định.

- Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản để việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được triển khai hiệu quả, thống nhất trong các cơ quan, tổ chức đảng.

- Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan Đảng trong quản lý vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, áp dụng thống nhất trong các cơ quan Đảng.

- Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng và ban hành quy định phối hợp khắc phục, xử lý sự cố, làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị thực hiện.

- Hằng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất khi có sự việc liên quan đến thực hiện Quy chế này và đề xuất xử lý các vi phạm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Tổ chức quản lý, vận hành

- Chịu trách nhiệm quản lý và vận hành Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng, Trung tâm điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng hoạt động ổn định, an toàn; trực tiếp quản lý mạng thông tin diện rộng của Đảng.

- Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng, mạng máy tính và trang thiết bị đầu cuối của Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương, các ban Đảng ở Trung ương.

- Bố trí kinh phí, tổ chức bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị và các dịch vụ hệ thống, nền tảng số, ứng dụng số dùng chung tại Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng, Trung tâm điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng.

- Chủ trì tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn hằng năm về an toàn thông tin; tổ chức diễn tập thực chiến về an toàn thông tin và các chiến dịch nâng cao nhận thức an ninh mạng định kỳ; quản trị, vận hành các nền tảng số, ứng dụng số do Văn phòng Trung ương Đảng triển khai tập trung, dùng chung cho các cơ quan Đảng.

2. Đảng uỷ Công an Trung ương

a) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị của Bộ Công an thực hiện bảo đảm hạ tầng và các điều kiện cho Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức thực hiện kết nối liên thông, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, các hệ thống thông tin của Bộ Công an với hệ thống thông tin của cơ quan Đảng.

c) Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm và triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng; tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ các cơ quan Đảng về kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, an ninh mạng.

3. Quân uỷ Trung ương

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Trung ương Đảng triển khai các giải pháp ngăn chặn, phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn thông tin; hỗ trợ tổ chức triển khai hoạt động giám sát an toàn không gian mạng; định kỳ thực hiện kiểm tra, rà soát làm sạch mã độc, phối hợp tổ chức diễn tập phòng thủ, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; chia sẻ dữ liệu do Bộ Quốc phòng quản lý; phối hợp tổ chức tập huấn đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ các cơ quan Đảng về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin.

4. Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương và các cơ quan Đảng ở Trung ương

a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức đảng triển khai các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số; tổ chức rà soát quy trình, tái cấu trúc quy trình, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm.

b) Ban hành quy trình xử lý sự cố áp dụng cho đơn vị bảo đảm không bị gián đoạn công tác nghiệp vụ trong trường hợp các hệ thống liên quan, mạng thông tin diện rộng của các cơ quan Đảng gặp sự cố.

c) Chịu trách nhiệm quản trị nội dung, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng khi khai thác các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng của cơ quan mình được đặt tại Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng.

d) Thường xuyên rà soát, gửi danh sách cá nhân được giao quản trị các hệ thống thông tin cho Văn phòng Trung ương Đảng để quản lý và cấp tài khoản truy cập vào hệ thống. Quản lý quyền, tài khoản quản trị, quản lý người dùng thuộc đơn vị mình.

đ) Bố trí kinh phí đầu tư và sử dụng, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị, phần mềm theo quy định.

e) Chỉ đạo các đơn vị, cán bộ, nhân viên thực hiện đúng các quy định, quy chế và hướng dẫn của Đảng, Nhà nước trong việc quản lý, cập nhật, khai thác sử dụng, trao đổi thông tin trên mạng máy tính.

g) Cử cán bộ chuyên trách chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ quản trị, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng của đơn vị đặt tại Trung tâm dữ liệu của cơ quan Đảng.

h) Hằng năm, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng các dịch vụ và nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của cơ quan trong mạng máy tính của Đảng (ngày 10/12 hằng năm), gửi Văn phòng Trung ương Đảng để tổng hợp.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ

a) Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phối hợp thực hiện Quy chế; xây dựng, ban hành quy định cụ thể hoá quy chế, quy định cho cơ quan, tổ chức; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị bổ sung, sửa đổi quy chế, quy định (nếu có).

b) Thường xuyên rà soát, gửi danh sách cá nhân được giao quản trị các hệ thống thông tin cho Văn phòng Trung ương Đảng để quản lý và cấp tài khoản truy cập vào hệ thống. Thực hiện quản lý quyền, tài khoản quản trị, quản lý người dùng thuộc đơn vị mình.

c) Bố trí kinh phí đầu tư và sử dụng, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị, phần mềm theo quy định.

d) Phối hợp quản lý, triển khai các hệ thống nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số dùng chung của các cơ quan Đảng bảo đảm thông suốt, an toàn.

đ) Bảo mật tài khoản quản trị đối với các máy chủ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu của đơn vị mình. Bảo mật các thông tin của hệ thống mạng máy tính theo quy định.

e) Chủ trì tổ chức hoặc tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng triển khai, sử dụng ứng dụng số.

g) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và tham gia ứng cứu sự cố về an toàn thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng.

h) Ban hành quy trình xử lý sự cố áp dụng cho đơn vị bảo đảm không bị gián đoạn công tác nghiệp vụ trong trường hợp các hệ thống liên quan, mạng thông tin diện rộng của các cơ quan Đảng gặp sự cố.

i) Hằng năm, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng các dịch vụ và nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của cơ quan trong mạng máy tính của Đảng (ngày 10/12 hằng năm), gửi Văn phòng Trung ương Đảng để tổng hợp.

6. Đảng uỷ Bộ Khoa học và Công nghệ

Chỉ đạo Cục Bưu điện Trung ương bảo đảm công tác quản trị, vận hành, khai thác mạng truyền số liệu chuyên dùng, dịch vụ hội nghị trực tuyến đáp ứng yêu cầu về băng thông, chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin theo yêu cầu của các cơ quan Đảng.

7. Ban Cơ yếu Chính phủ

a) Triển khai các giải pháp bảo mật, xác thực ký số cho mạng thông tin diện rộng của Đảng.

b) Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan Đảng kiểm tra, giám sát an toàn thông tin, cung cấp giải pháp bảo mật phù hợp với cấp độ của hệ thống thông tin; phối hợp xử lý các sự cố mạng máy tính.

8. Đảng uỷ các xã, phường, thị trấn, đặc khu

a) Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phối hợp thực hiện quy chế, quy định; định kỳ hằng năm báo cáo tình uỷ, thành uỷ kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị bổ sung, sửa đổi quy chế, quy định (nếu có).

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hỗ trợ cho người sử dụng trong phạm vi cơ quan thực hiện các kỹ năng sử dụng máy tính an toàn.

c) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và tham gia ứng cứu sự cố về an toàn thông tin theo yêu cầu cấp trên.

d) Quản lý người dùng, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị, phần mềm theo quy định.

9. Các cơ quan khác liên quan

a) Quản trị, quản lý các dịch vụ mạng, tài nguyên, phần mềm hệ thống và thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị.

b) Quản lý người dùng, bố trí kinh phí đầu tư và sử dụng, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị, phần mềm theo quy định của Đảng, Nhà nước.

c) Ban hành các quy định, quy trình nội bộ, triển khai sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số và các biện pháp bảo đảm an toàn an ninh thông tin.

d) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hỗ trợ cho người sử dụng trong phạm vi cơ quan thực hiện các kỹ năng sử dụng máy tính an toàn.

đ) Phối hợp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, tham gia ứng cứu sự cố về an toàn thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng.

e) Hằng năm, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng các dịch vụ và nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của cơ quan trong mạng máy tính của Đảng (ngày 10/12 hằng năm), gửi Văn phòng Trung ương Đảng để tổng hợp.

10. Cá nhân

a) Chấp hành nghiêm túc các quy định, quy trình nội bộ của cơ quan, đơn vị và các quy định của pháp luật hiện hành về bảo đảm an toàn thông tin.

b) Quản lý, bảo quản thiết bị, tài khoản mà mình được giao sử dụng. Thường xuyên cập nhật, nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính an toàn.

c) Sử dụng tài khoản được cấp đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; bảo mật thông tin tài khoản của cá nhân, thông tin của hệ thống và thông tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Khi phát hiện sự cố hoặc dấu hiệu mất an toàn thông tin phải thông báo ngay với đơn vị, cá nhân vận hành hệ thống thông tin để kịp thời xử lý.

đ) Tham gia nghiêm túc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế này thay thế Quy chế quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin diện rộng của Đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 273-QĐ/TW, ngày 03/3/2015 của Ban Bí thư).

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Văn phòng Trung ương Đảng để tổng hợp, trình Ban Bí thư xem xét, bổ sung, sửa đổi.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên Ban Bí thư,
- Các đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các cơ quan Đảng ở Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Cẩm Tú

QUY CHẾ
về quản lý và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin phục vụ họp
và xử lý công việc trực tuyến trong các cơ quan Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;
- Căn cứ Quyết định số 259-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị khoá XIII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng;
- Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy định số 3676-QĐ/VPTW, ngày 27/3/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về vận hành, bảo đảm an toàn thông tin đối với thiết bị, đường truyền kết nối trong các cơ quan đảng;
- Căn cứ Quy định số 379-QĐ/TW, ngày 22/10/2025 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng;
- Xét đề nghị của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu.

Văn phòng Trung ương Đảng ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến trong các cơ quan Đảng như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này quy định về trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến (sau đây gọi tắt là Hệ thống) tại các cơ quan, đơn vị trong các cơ quan Đảng.

2. Đối tượng áp dụng: Cá nhân, tổ chức trực thuộc các cơ quan đảng ở Trung ương; các đảng uỷ trực thuộc Trung ương; các tỉnh uỷ, thành uỷ; các Đảng uỷ xã, phường, đặc khu; các khách mời có sử dụng hệ thống.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến* là hệ thống họp không giấy tờ và lấy ý kiến trực tiếp từ các đại biểu tham dự, lấy ý kiến trực tuyến trên hệ thống

2. *Chủ trì cuộc họp*: Là người điều hành cuộc họp, theo dõi quá trình chuẩn bị nội dung trước, trong và sau mỗi cuộc họp.

3. *Thư ký cuộc họp*: Là người chịu trách nhiệm tạo lập cuộc họp, cập nhật tài liệu, tạo phiếu lấy ý kiến và tổng hợp kết quả trên phần mềm.

4. *Khách mời*: Là các đại biểu tham dự họp để tra cứu tài liệu, theo dõi nội dung phiên họp.

5. *Phiếu lấy ý kiến điện tử (sau đây gọi tắt là "Phiếu lấy ý kiến")*: Là hình thức xin ý kiến thông qua phần mềm, có giá trị tương đương phiếu lấy ý kiến bằng văn bản giấy.

Chương II QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng hệ thống

1. Hệ thống là nền tảng dùng chung, cài đặt và quản lý tập trung tại Trung tâm dữ liệu các cơ quan đảng do Văn phòng Trung ương Đảng quản lý, bảo đảm hoạt động liên tục, an toàn. Việc quản lý, vận hành, khai thác phải tuân thủ các quy định của Đảng, Nhà nước về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn an ninh mạng và bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Hệ thống thông tin được triển khai trên môi trường mạng Internet và ứng dụng trên thiết bị di động, cung cấp các công cụ hỗ trợ phục vụ các cuộc họp của cấp uỷ, tổ chức đảng; các chức năng của hệ thống bao gồm: Đăng ký và quản lý lịch họp khai thác tài liệu số; điều hành cuộc họp, điểm danh, đăng ký phát biểu, biểu quyết và lấy ý kiến các thành viên qua phiếu lấy ý kiến.

3. Chỉ sử dụng Hệ thống để tổ chức các cuộc họp, cung cấp, chia sẻ các văn bản, tài liệu điện tử và gửi phiếu lấy ý kiến điện tử đối với các văn bản, tài liệu không chứa bí mật nhà nước để thay thế văn bản giấy trong cuộc họp. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát, xác định tài liệu không chứa bí mật nhà nước trước khi đăng tải lên hệ thống.

4. Các hoạt động điều hành cuộc họp (điểm danh, đăng ký phát biểu, thảo luận, biểu quyết, lấy ý kiến, kết luận...) được thực hiện đồng bộ trên phần mềm.

5. Việc khai thác, sử dụng Hệ thống phải bảo đảm:

- Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.
- Không trùng lặp với các hệ thống thông tin khác đã được triển khai.

- Đúng mục đích, đúng thẩm quyền.
- Đúng quy trình nghiệp vụ.
- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.
- Mọi hoạt động truy cập phải được lưu nhật ký để phục vụ kiểm tra, giám sát.
- Dữ liệu của cơ quan, đơn vị nào thì chỉ người sử dụng của cơ quan, đơn vị đó được quyền truy cập, khai thác (trừ dữ liệu dùng chung hoặc được chia sẻ theo thẩm quyền).

6. Về chia sẻ dữ liệu trong Hệ thống:

- Áp dụng Khoản 3, Điều 7 (Quy định số 384-QĐ/TW, ngày 19/11/2025 của Ban Bí thư về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị), dữ liệu trong Hệ thống không thuộc danh mục bí mật nhà nước. Các trường thông tin trong Hệ thống được chuyển đổi, tích hợp để hình thành Kho dữ liệu dùng chung trong các cơ quan đảng. Dữ liệu khai thác từ Kho dữ liệu dùng chung được chia sẻ với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng liên quan có cơ chế phân quyền và bảo đảm an toàn, bảo mật.

- Các cơ quan, đơn vị được chia sẻ dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình tạo ra khi có nhu cầu.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Truy cập, khai thác trái phép nội dung, tài liệu trên phần mềm.
2. Lợi dụng phần mềm hoặc dữ liệu của phần mềm vào các mục đích không thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao; cung cấp, phát tán thông tin, dữ liệu trái với quy định của Đảng, Nhà nước và pháp luật hiện hành.
3. Tự ý thay đổi, can thiệp, xóa bỏ các thông số thiết lập của phần mềm ảnh hưởng đến việc vận hành phần mềm.
4. Giao hoặc tiết lộ tài khoản của cá nhân, danh sách người sử dụng, sơ đồ tổ chức, đơn vị cho các tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng.

Điều 5. Bảo đảm kỹ thuật và duy trì hoạt động của phần mềm

1. Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm hạ tầng mạng, vận hành phần mềm trên mạng Internet, tiếp nhận và tổng hợp các góp ý của người sử dụng trong các cơ quan, đơn vị gửi đến để chỉnh sửa, bổ sung, xem xét nâng cấp các chức năng phần mềm. Thực hiện việc sao lưu dữ liệu và khôi phục hệ thống khi gặp sự cố.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bảo đảm hạ tầng mạng và trang thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu truy cập và khai thác phần mềm tại cơ quan, đơn vị mình.

3. Trường hợp phần mềm hoặc hạ tầng kỹ thuật gặp sự cố ảnh hưởng đến việc tổ chức cuộc họp, đầu mối kỹ thuật hoặc quản trị viên của cơ quan, đơn vị kịp thời thông báo cho bộ phận hỗ trợ kỹ thuật theo phân cấp; trong trường hợp cần thiết, chủ trì cuộc họp quyết định chuyển sang hình thức họp truyền thống hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 6. Quản lý, cấu hình, phân quyền sử dụng

1. Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện quản trị hệ thống cấp trung ương; hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống.

2. Các cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài khoản quản trị được cấp; thực hiện quản lý tài khoản, nhóm người dùng thuộc phạm vi quản lý; cấu hình phòng họp, phiếu lấy ý kiến của đơn vị mình và phân quyền cho các đơn vị trực thuộc (nếu có).

3. Hệ thống được vận hành trên mạng Internet tại địa chỉ: <https://hopkhonggiay.dcs.vn> hoặc cài đặt ứng dụng app iCPV-cabinet trên thiết bị di động hoặc máy tính bảng.

4. Tài khoản sử dụng phần mềm được đồng bộ từ hệ thống Danh mục dùng chung, cụ thể:

a) Đối với cán bộ, công chức đang sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng: Sử dụng tài khoản và mật khẩu hiện có để đăng nhập phần mềm.

b) Đối với đại biểu, khách mời sử dụng tài khoản, mật khẩu được thư ký cuộc họp cung cấp chỉ phục vụ truy cập và khai thác sử dụng phần mềm hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trực tuyến và không truy cập được ngay sau khi kết thúc cuộc họp để bảo đảm an toàn thông tin và tài liệu trên hệ thống.

5. Việc quản lý và bảo mật tài khoản phải tuân thủ các quy định về an toàn thông tin trong các cơ quan đảng.

Điều 7. Bảo quản, lưu trữ dữ liệu

1. Những dữ liệu trên Hệ thống có liên quan đến hồ sơ công việc nào thì phải được cập nhật đầy đủ vào hồ sơ công việc đó đã được tạo lập trên Phần mềm Điều hành tác nghiệp dùng chung trong các cơ quan Đảng.

Đối với những dữ liệu thuộc hồ sơ công việc mà chưa được tạo lập trên Phần mềm Điều hành tác nghiệp dùng chung trong các cơ quan Đảng, cơ quan, đơn vị phải lựa chọn phương thức phù hợp bảo đảm việc lập hồ sơ công việc đầy đủ theo quy định.

2. Sau khi cập nhật dữ liệu vào hồ sơ công việc, những dữ liệu trên Hệ thống được lưu trữ trong thời hạn ít nhất 1 năm tính từ ngày cập nhật dữ liệu vào hồ sơ công việc. Sau thời hạn lưu trữ trên, việc xóa dữ liệu trên Hệ thống do cơ quan, đơn vị quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phổ biến, quán triệt Quy chế này đến toàn thể cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo, đôn đốc việc khai thác, gương mẫu thực hiện sử dụng phần mềm hiệu quả, đúng mục đích.

2. Các cơ quan xây dựng, ban hành văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể việc sử dụng phần mềm (*nếu thấy cần thiết*); đồng thời chủ động đề xuất, kiến nghị bổ sung, sửa đổi quy chế này khi cần thiết; tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm định kỳ cho cán bộ, công chức, người sử dụng tại cơ quan, đơn vị.

3. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này.

Điều 9. Trách nhiệm của người sử dụng

1. Người sử dụng có trách nhiệm bảo mật tài khoản của mình; không cung cấp tài khoản, mật khẩu cho người không có thẩm quyền; không tự ý tải, sao chép, phát tán tài liệu hợp ra ngoài hệ thống khi chưa được phép; không sử dụng thiết bị cá nhân không bảo đảm an toàn thông tin để truy cập tài liệu các cuộc họp.

2. Khi người sử dụng thay đổi vị trí công tác, nghỉ hưu hoặc thôi việc, cơ quan quản lý cán bộ phải thông báo trong thời hạn 1 ngày làm việc cho bộ phận quản trị để khoá/hủy tài khoản nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu.

3. Mọi vi phạm, tùy theo mức độ, đều bị xem xét, xử lý, truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quán triệt và chỉ đạo việc thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, kịp thời phản ánh về Văn phòng Trung ương Đảng (qua Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) để tổng hợp, xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Các cơ quan đảng ở Trung ương;
- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu (để thực hiện);
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Thào Thành Hưng

HƯỚNG DẪN

kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan đảng

Thực hiện Quyết định số 16-QĐ/BCĐ, ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng phê duyệt Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng; căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, ngày 22/10/2025 của Chính phủ về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và các văn bản pháp luật có liên quan; nhằm bảo đảm việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng được triển khai thống nhất, an toàn, hiệu quả, Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn một số nội dung như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu nhằm hình thành cơ sở dữ liệu tham chiếu thống nhất, xoá bỏ tình trạng cát cứ thông tin, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng và tạo nền tảng vững chắc để triển khai toàn diện trí tuệ nhân tạo, theo nguyên tắc "một dữ liệu - một đầu mối" và "dữ liệu được tạo lập một lần tại nguồn".

Dữ liệu chia sẻ phải bảo đảm 6 tiêu chí: "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung"; tuyệt đối bảo đảm an toàn, an ninh thông tin từ cấp độ 3 trở lên theo quy định của pháp luật.

II- PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng đối với hoạt động kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng và với cơ sở dữ liệu Quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong hệ thống chính trị; không bao gồm dữ liệu thuộc độ Tuyệt mật.

Đối tượng áp dụng: Các ban đảng ở Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hệ thống chính trị.

III- NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

Nội dung kỹ thuật chi tiết được quy định tại các phụ lục kèm theo Hướng dẫn này, gồm:

- *Phụ lục I: Hướng dẫn kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan đảng* (căn cứ pháp lý; mô hình kết nối và hạ tầng trung gian; 2 phương án kết nối kỹ thuật; quy trình thực hiện trên môi trường thử nghiệm và môi trường chính thức; quy định về an toàn, bảo mật; Mẫu 01 - Phiếu đăng ký kết nối, chia sẻ dữ liệu; Mẫu 02 - Bản cam kết bảo mật).

- *Phụ lục II: Quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn tích hợp API (giao diện lập trình ứng dụng) trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Đảng* (quy chuẩn kỹ thuật chung về kiến trúc và giao thức; cấu trúc gói tin và bảo mật API; hướng dẫn dành cho cơ quan, đơn vị khai thác dữ liệu; hướng dẫn dành cho cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu; quản lý vòng đời API, lưu vết và đối soát giao dịch).

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban đảng ở Trung ương, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ

Tổ chức quán triệt nội dung Hướng dẫn này đến các đơn vị, cá nhân có liên quan; phân công đầu mối kỹ thuật phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) trong quá trình triển khai.

Rà soát các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có; lập danh mục dữ liệu cần kết nối, chia sẻ; gửi Phiếu đăng ký kết nối (Mẫu 01) về Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu theo lộ trình đã được thống nhất.

Bổ trí nguồn lực bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; phối hợp với Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu hoàn thành kết nối thử nghiệm và chuyển sang vận hành chính thức theo quy trình.

2. Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu)

Là cơ quan thường trực hướng dẫn, điều phối kỹ thuật trong toàn bộ quá trình kết nối; đóng vai trò Văn phòng Quản trị Dữ liệu (DGO) của Đảng; quản lý, vận hành LGSP của Đảng và các thành phần hạ tầng có liên quan.

Tiếp nhận Phiếu đăng ký kết nối, Bản cam kết bảo mật; cấp định danh hệ thống, khoá kết nối (Consumer Key, Secret Key); phối hợp Ban Cơ yếu Chính phủ cấp chứng thư số chuyên dùng.

Tổ chức giám sát luồng tin qua Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của Đảng; tổng hợp tình hình, báo cáo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng khi có yêu cầu.

Định kỳ rà soát, cập nhật các phụ lục kỹ thuật phù hợp với sự phát triển của công nghệ và thực tiễn triển khai.

3. Các cơ quan, đơn vị phối hợp

- Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ: Phối hợp hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ sở dữ liệu Quốc gia và hệ thống thông tin của các cơ quan trong hệ thống chính trị thông qua các nền tảng trung gian (Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia - NDXP, Nền tảng liên thông văn bản Quốc gia - VDXP và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu Quốc gia - NDOP) theo chức năng quản lý của từng cơ quan.

- Ban Cơ yếu Chính phủ: Cấp và quản lý chứng thư số chuyên dùng; cung cấp giải pháp mã hoá kênh truyền (BMVPN) và mã hoá dữ liệu mật.

- Cục Bưu điện Trung ương: Bảo đảm hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) kết nối các cơ quan đảng từ Trung ương đến cơ sở.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Văn phòng Trung ương Đảng (qua Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, số điện thoại: 080.45169 hoặc 080.45476) để được hướng dẫn, xem xét điều chỉnh kịp thời.

Nơi nhận:

- Các cơ quan đảng ở Trung ương;
- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Đồng chí Chánh Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Công an (để phối hợp);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để phối hợp);
- Ban Cơ yếu Chính phủ (để phối hợp);
- Cục Bưu điện Trung ương (để phối hợp);
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Võ Thành Hưng

PHỤ LỤC I
HƯỚNG DẪN KẾT NỐI, TÍCH HỢP, CHIA SẺ DỮ LIỆU
TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015; Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018; Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023; Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 10/12/2025;

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Nghị định số 63/2026/NĐ-CP ngày 28/02/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia;

Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu Quốc gia (phiên bản 1.0);

Quyết định số 16-QĐ/BCĐ ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng phê duyệt Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng;

Quy định số 333-QĐ/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư về ban hành Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0;

Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Quy chế 07-QC/TW 2025 ngày 31/10/2025 của Ban Bí thư về tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng;

Chỉ thị số 57-CT/TW, ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Quy định số 384-QĐ/TW ngày 19/11/2025 của Ban Bí thư về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị;

Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11930: 2017, TCVN 14423: 2025 về an toàn, an ninh thông tin.

II. MÔ HÌNH KẾT NỐI VÀ HẠ TẦNG TRUNG GIAN

Giải thích từ ngữ và viết tắt:

- **LGSP**: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Đảng.
- **NDXP**: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia.
- **NDOP**: Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu Quốc gia.
- **VDXP**: Nền tảng liên thông văn bản Quốc gia.
- **API** (Application Programming Interface): Giao diện lập trình ứng dụng, cho phép các hệ thống trao đổi dữ liệu theo chuẩn kỹ thuật thống nhất.
- **SOC** (Security Operations Center): Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng của Đảng, trực thuộc Văn phòng Trung ương Đảng.
- **ATTT**: An toàn thông tin; cấp độ ATTT áp dụng theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.
- **OAuth 2.1**: Giao thức xác thực và phân quyền truy cập chuẩn mở áp dụng cho kết nối qua LGSP.
- **CSDL**: Cơ sở dữ liệu; **HTTT**: Hệ thống thông tin; **VPTW**: Văn phòng Trung ương Đảng.

Mô hình kết nối được xây dựng theo kiến trúc dữ liệu phê duyệt tại Quyết định số 16-QĐ/BCĐ ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, trên cơ sở liên thông giữa hạ tầng khối Đảng và hạ tầng Quốc gia, với các thành phần chính:

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Đảng: nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tập trung của khối Đảng do Văn phòng Trung ương Đảng quản lý, vận hành; đóng vai trò trục tích hợp trung tâm (API Gateway, ESB - Enterprise Service Bus) cho toàn bộ luồng dữ liệu nội bộ và là điểm kết nối duy nhất ra hệ thống Quốc gia. Nền tảng được thiết kế theo kiến trúc Microservices. LGSP của Đảng được triển khai cả trên vùng mạng thông tin diện rộng của Đảng và vùng mạng public (LGSP trên vùng mạng public có thể được kết nối đến thông qua các trục liên thông VDXP, NDXP, NDOP).

Máy chủ bảo mật điểm kết nối (Agent Node - AGN): đặt tập trung tại Trung tâm dữ liệu của các cơ quan Đảng (Khu công nghệ cao Hoà Lạc và TTDL dự phòng tại số 1A Hùng Vương). Thành phần này bảo đảm an toàn, bảo mật cho

kết nối giữa LGSP của Đảng với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu Quốc gia (NDOP).

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP), Nền tảng liên thông văn bản Quốc gia (VDXP) và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu Quốc gia (NDOP): Là các nền tảng đóng vai trò điều phối, tích hợp và kiểm soát luồng dữ liệu xuyên hệ thống chính trị.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD): kênh truyền dẫn ưu tiên tuyệt đối cho mọi kết nối giữa các cơ quan Đảng từ Trung ương đến cơ sở; kết hợp giải pháp mã hoá kênh truyền BMVPN của Ban Cơ yếu Chính phủ để trao đổi thông tin an toàn trên môi trường mạng.

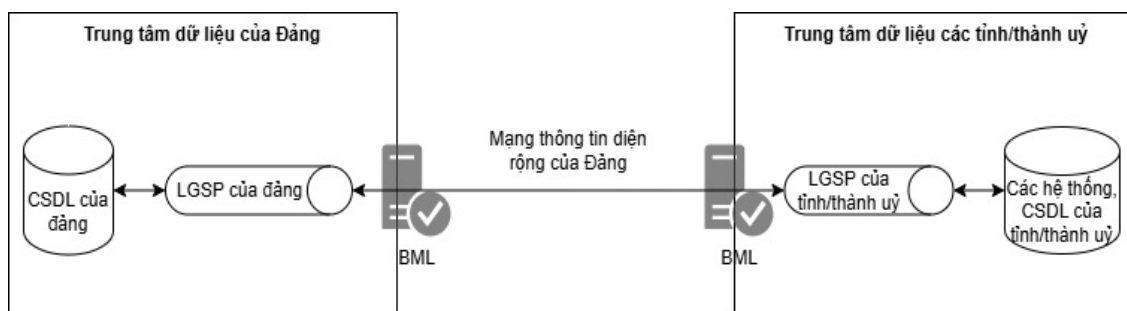
III. CÁC PHƯƠNG ÁN KẾT NỐI KỸ THUẬT

Các đơn vị triển khai kết nối về LGSP tập trung của Đảng theo một trong hai phương án sau, căn cứ năng lực hạ tầng thực tế:

1. Phương án 1: Kết nối trực tiếp qua mạng thông tin điện rộng của Đảng (áp dụng cho các ban đảng Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ)

Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ban đảng hoặc các tỉnh uỷ, thành uỷ kết nối trực tiếp vào LGSP của Đảng thông qua hạ tầng mạng thông tin điện rộng của Đảng tới Trung tâm dữ liệu của Đảng. Phương án này sử dụng hạ tầng bảo mật do Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai, sử dụng thiết bị bảo mật BML để mã hoá kênh truyền dữ liệu.

Luồng dữ liệu: HTTT/CSDL chuyên ngành của ban đảng, tỉnh uỷ, thành uỷ → LGSP của Đảng → Các CSDL của Đảng.



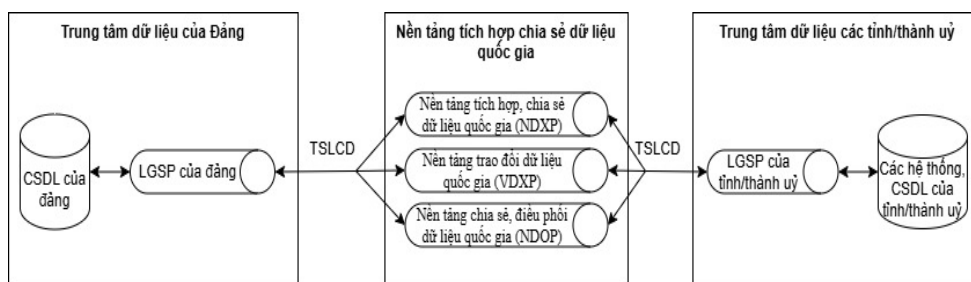
Yêu cầu kỹ thuật: Các ban đảng phối hợp với Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu để thiết lập cấu hình mạng nội bộ (định tuyến, mở cổng tường lửa), cấp phát chứng thư số chuyên dùng và khởi tạo thông tin xác thực (khóa bảo mật API) để định danh hệ thống.

Phương án 1 phù hợp với các hệ thống có dữ liệu bí mật nhà nước cấp Mật và Tối mật, được triển khai trong vùng mạng mật của các cơ quan đảng (mạng thông tin điện rộng của Đảng) hiện đã được Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng triển khai đến cấp xã.

2. Phương án 2: Kết nối qua TSLCD (áp dụng cho các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương)

Hệ thống thông tin của tỉnh uỷ, thành uỷ kết nối về LGSP của Đảng thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng và các nền tảng chia sẻ dữ liệu NDXP, VDXP, NDOP.

Luồng dữ liệu: HTTT của tỉnh uỷ, thành uỷ → NDXP/VDXP/NDOP → LGSP của Đảng → Các CSDL của Đảng.



Yêu cầu kỹ thuật: Tỉnh uỷ, thành uỷ phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ TSLCD (Cục Bưu điện Trung ương), Đơn vị quản lý nền tảng tích hợp VDXP/NDXP/NDOP và Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu để định tuyến luồng tin, cấp phát chứng thư số chuyên dùng và thiết lập các thông số định danh kết nối.

Phương án 2 phù hợp với các hệ thống thông tin không chứa dữ liệu bí mật nhà nước được triển khai trên các mạng công khai như mạng TSLCD hoặc mạng Internet. **IV. QUY TRÌNH THỰC HIỆN**

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng được thực hiện tuân tự qua 02 môi trường: Môi trường thử nghiệm và Môi trường chính thức, với các bước cụ thể như sau:

1. Trên môi trường thử nghiệm

Bước 1. Đăng ký kết nối: Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu gửi Phiếu đăng ký kết nối (Mẫu 01) về Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng. Nội dung đăng ký xác định rõ hệ thống kết nối, phạm vi và mục đích sử dụng dữ liệu được chia sẻ. Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng sẽ phản hồi kết quả trong vòng 05 ngày làm việc.

Bước 2. Thiết lập, cấu hình kết nối: Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện cấu hình mở kết nối trên LGSP của Đảng, thiết lập thông tin định danh hệ thống kết nối và hướng dẫn cấu hình kỹ thuật cho đơn vị.

Bước 3. Cấp thông tin truy cập: Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng cung cấp cho đơn vị kết nối tài khoản truy cập hệ thống, thông tin định danh hệ thống (khóa Client ID/Consumer Key, Secret Key) và các thông số kết nối môi trường thử nghiệm.

Bước 4. Kiểm tra kết nối: Đơn vị kết nối thực hiện kiểm tra khả năng truy cập mạng đến LGSP, kiểm tra khả năng truy cập dịch vụ và phối hợp với đầu mối kỹ thuật để xử lý lỗi phát sinh (nếu có).

Bước 5. Tích hợp và thử nghiệm: Đơn vị thực hiện tích hợp API theo hướng dẫn; tiến hành kiểm thử gửi/nhận dữ liệu, kiểm tra tính đúng đắn, toàn vẹn dữ liệu và hiệu năng, sự ổn định của luồng tin.

2. Trên môi trường chính thức

Bước 1. Hoàn thiện điều kiện triển khai: Đơn vị kết nối phải có văn bản xác nhận bảo đảm an toàn thông tin do Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Tư lệnh 86 hoặc Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu cấp; đồng thời ký cam kết bảo mật, sử dụng dữ liệu đúng quy định (Mẫu 02) và hoàn thành kiểm thử tại môi trường thử nghiệm.

Bước 2. Cấp quyền kết nối chính thức: Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện cấu hình kết nối trên môi trường chính thức, cấp tài khoản, thông tin truy cập chính thức và cập nhật danh mục hệ thống được phép kết nối.

Bước 3. Chuyển đổi sang môi trường chính thức: Đơn vị cập nhật cấu hình sang môi trường chính thức, kiểm tra lại kết nối, hoạt động hệ thống và đưa hệ thống vào vận hành chính thức.

Bước 4. Vận hành, giám sát: Việc khai thác dữ liệu phải tuân thủ đúng phạm vi được cấp phép, được giám sát, ghi nhật ký truy cập và bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

V. QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN, BẢO MẬT

Hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị khi kết nối vào LGSP của Đảng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin từ cấp độ 3 trở lên, ngoài việc phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt, cần tuân thủ các nguyên tắc an ninh dữ liệu sau:

1. Phân loại dữ liệu

Đối với dữ liệu Mật và Tối mật, việc chia sẻ dữ liệu bắt buộc phải sử dụng giải pháp bảo mật, mã hoá của Ban Cơ yếu Chính phủ, tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và thực hiện trên mạng thông tin diện rộng của Đảng. Tuyệt đối không chia sẻ, trao đổi dữ liệu thuộc độ Tuyệt mật qua mạng.

2. Bảo mật kênh truyền

Việc kết nối từ hệ thống của địa phương lên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Đảng đã được Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Cơ yếu Chính phủ thiết lập sẵn các lớp bảo vệ tập trung (như hệ thống tường lửa, mã hoá BML). Các đơn vị có trách nhiệm duy trì tính toàn vẹn của kênh truyền này và không được tự ý thay đổi thiết kế mạng kết nối.

3. Xác thực và mã hoá

Các hệ thống khi gọi dịch vụ (API) bắt buộc phải sử dụng Chứng thư số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp để xác thực và ký số lên thông điệp dữ liệu, bảo đảm tính chống chối bỏ. Tuân thủ các cơ chế định danh, phân quyền truy cập do Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Đảng cung cấp và quản lý tập trung.

Đối với cơ sở dữ liệu có chứa thông tin từ độ Mật trở lên, đơn vị chủ quản có trách nhiệm phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai giải pháp mã hoá dữ liệu (Encryption at Rest) theo quy định.

4. Các hành vi nghiêm cấm

Giả mạo, làm sai lệch dữ liệu trao đổi; cản trở hoạt động chia sẻ dữ liệu bắt buộc theo Nghị định 278/2025/NĐ-CP.

Truy cập, sao chép, sử dụng dữ liệu sai mục đích, vượt thẩm quyền được cấp.

Bỏ qua các bước ký số, mã hoá khi lưu chuyển dữ liệu Mật qua hạ tầng dùng chung.

MẪU 01
PHIẾU ĐĂNG KÝ KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

I. THÔNG TIN ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

1. Tên cơ quan, đơn vị:
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện: Chức vụ:
4. Đầu mối kỹ thuật: Điện thoại: Email:

II. THÔNG TIN HỆ THỐNG THÔNG TIN/CSDL ĐỀ NGHỊ KẾT NỐI

1. Tên hệ thống/CSDL:
2. Lĩnh vực nghiệp vụ:
3. Cấp độ an toàn HTTT (theo ND 85/2016/ND-CP): Cấp độ..... Mã văn bản
....
4. Mức phân loại dữ liệu cao nhất: ☐ Công khai ☐ Nội bộ ☐ Mật ☐ Tối mật

III. PHƯƠNG ÁN KẾT NỐI ĐỀ XUẤT

- ☐ Phương án 1: Kết nối trực tiếp qua mạng thông tin diện rộng của Đảng
- ☐ Phương án 2: Kết nối qua Mạng TSLCD + VDXP/NDXP/NDOP

IV. DANH MỤC DỮ LIỆU CHIA SẺ

TT	Tên dữ liệu	Mức phân loại	Tần suất	Phương thức (API/đồng bộ)	Thời gian kết nối dự kiến	Phạm vi/mục đích sử dụng
1						
2						
3						

ĐẦU MỐI KỸ THUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO CƠ
QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU 02
BẢN CAM KẾT BẢO MẬT KHI KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Kính gửi: Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng

1. Tên cơ quan, đơn vị đăng ký:

2. Họ và tên: Chức vụ:

3. Số CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Sau khi nghiên cứu Quyết định số 16-QĐ/BCĐ ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng và Hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; cơ quan, đơn vị chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng trong toàn bộ vòng đời xử lý, chia sẻ dữ liệu.

2. Bảo đảm duy trì an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; áp dụng đầy đủ các biện pháp quản lý định danh (SSO, MFA), phân quyền truy cập (RBAC/ABAC), ký số và mã hoá gói tin theo đúng quy định tại Hướng dẫn.

3. Quản lý nghiêm ngặt các khoá kết nối (Consumer Key, Secret Key); chỉ khai thác, sử dụng dữ liệu được chia sẻ đúng mục đích, đúng thẩm quyền; tuyệt đối không sao chép, chuyển giao, tiết lộ dữ liệu hoặc thông tin kết nối cho bên thứ ba khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan chủ quản dữ liệu.

4. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của Đảng trong việc đối soát giao dịch, giám sát, phát hiện và xử lý sự cố; báo cáo sự cố ngay lập tức (trong vòng tối đa 24 giờ) kể từ khi phát hiện dấu hiệu xâm nhập hoặc mất an toàn.

5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng và pháp luật của Nhà nước về mọi sự cố, vi phạm an ninh, an toàn dữ liệu phát sinh từ lỗi chủ quan của cơ quan, đơn vị.

ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP API

TRÊN LGSP CỦA ĐẢNG

I. QUY CHUẨN KỸ THUẬT CHUNG VỀ KIẾN TRÚC VÀ GIAO THỨC

1. Kiến trúc nền tảng

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Đảng được thiết kế tuân thủ các yêu cầu chức năng nền tảng tại Công văn số 631/THH-THHT ngày 21/5/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Hệ thống áp dụng kiến trúc hướng dịch vụ (SOA) và Microservices, sử dụng giải pháp công nghệ lõi WSO2 Platform với các phân hệ tiêu chuẩn: Quản lý giao diện lập trình (API Management), Trục tích hợp (ESB) và Quản lý định danh (IAM). Các cơ quan, đơn vị khi kết nối bắt buộc tuân thủ nguyên tắc "API-First" và có tài liệu đặc tả kỹ thuật trước khi lập trình (Contract-First).

2. Giao thức và định dạng

Nền tảng hỗ trợ đa dạng giao thức kết nối: RESTful, SOAP. Định dạng dữ liệu trao đổi chuẩn là JSON và XML.

3. Giao thức bảo mật

Bắt buộc sử dụng giao thức HTTPS với tiêu chuẩn mã hoá TLS 1.3 (chấp nhận tối thiểu TLS 1.2), nghiêm cấm sử dụng các phiên bản SSL/TLS cũ.

4. Giới hạn lưu lượng (Rate Limiting/Throttling)

Hệ thống kiểm soát lưu lượng truy cập mặc định như sau: giao dịch truy vấn đọc (GET) giới hạn 1.000 yêu cầu/phút/hệ thống; giao dịch cập nhật, ghi (POST/PUT/PATCH) giới hạn 300 yêu cầu/phút/hệ thống. Hệ thống sẽ trả về lỗi HTTP 429 khi vượt ngưỡng.

Trường hợp đơn vị có nhu cầu giao dịch cao hơn cần điền rõ lý do trong phiếu đăng ký để Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng đánh giá và thiết lập giới hạn phù hợp.

5. Cam kết hiệu năng (SLA)

Thời gian xử lý lỗi của Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) bảo đảm: p50 < 400 ms, p95 < 800 ms. Tổng thời gian phản hồi trung bình của API truy vấn

thông thường phải < 2 giây; API cập nhật dữ liệu có thời gian phản hồi tối đa không quá 10 giây (không tính độ trễ từ hệ thống nguồn của đơn vị).

II. CẤU TRÚC GÓI TIN VÀ BẢO MẬT API

Mọi thông điệp gửi đến LGSP của Đảng bắt buộc phải tuân thủ cấu trúc URL `https://api.lgsp.dcs.vn/{version}/{domain}/{resource}` và chứa các thông tin tại phần Header (HTTP Header) như sau:

1. Xác thực (Authentication)

Bắt buộc sử dụng tham số Authorization: Bearer <mã_token>. LGSP hỗ trợ chuẩn OAuth 2.1, OIDC 2.0, SAML2, JWT Federation hoặc chứng thư số mTLS.

2. Mã định danh giao dịch

Bắt buộc truyền tham số X-Request-ID (mã số đảm bảo tính duy nhất của mỗi yêu cầu theo chuẩn UUID v4) để hệ thống định danh duy nhất và truy vết giao dịch từ đầu đến cuối (end-to-end tracing).

3. Ký số thông điệp

Bắt buộc truyền tham số X-Signature (chữ ký số xác thực cho mỗi yêu cầu và phản hồi) đối với mọi API ghi dữ liệu hoặc truyền tải dữ liệu từ độ Mật trở lên. Hệ thống kết nối phải sử dụng Chứng thư số chuyên dùng (USB Token/HSM) do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp để ký số lên thông điệp, bảo đảm tính toàn vẹn và chống chối bỏ.

III. HƯỚNG DẪN DÀNH CHO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHAI THÁC DỮ LIỆU

Danh mục API chia sẻ dữ liệu, đối tượng được phép khai thác, cấu trúc bản tin chi tiết và các ví dụ tham khảo sẽ được Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng công bố trên cơ sở nhu cầu khai thác dữ liệu của các tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan khác trong hệ thống chính trị.

Các cơ quan, đơn vị (bao gồm các tỉnh uỷ, thành uỷ) có nhu cầu khai thác dữ liệu thực hiện tích hợp kỹ thuật qua 04 bước sau:

Bước 1. Tiếp nhận thông tin định danh: Sau khi hoàn thành đăng ký, Văn phòng Trung ương Đảng cấp cho hệ thống thông tin của đơn vị một cặp khoá bảo mật gồm: Khoá định danh (Consumer Key) và Khoá bí mật (Secret Key). Đơn vị phải lưu trữ mã hoá các khoá này (thuật toán SHA-256/SHA-512) để bảo đảm an toàn.

Bước 2. Yêu cầu cấp mã Token: Hệ thống thông tin của đơn vị sử dụng cặp khoá (tại Bước 1) gọi dịch vụ xác thực (IAM) của LGSP. Hệ thống kiểm tra phân quyền và trả về Mã truy cập (Access Token định dạng JWT) có thời hạn sử dụng mặc định là 01 giờ.

Bước 3. Đóng gói và Ký số yêu cầu: Hệ thống thông tin của đơn vị đóng gói các tham số nghiệp vụ cần tra cứu, chèn mã Token vào HTTP Header theo cú pháp Authorization: Bearer <mã_token>. Lưu ý: Đối với dữ liệu Mật, đơn vị sử dụng công cụ Adapter và Chứng thư số chuyên dùng để ký số tự động vào tham số X-Signature của gói tin.

Bước 4. Gửi yêu cầu và nhận kết quả: Gửi gói tin đã đóng gói đến LGSP. Hệ thống WSO2 API Manager của LGSP sẽ xác thực Token, rà soát giới hạn lưu lượng; LGSP thực hiện định tuyến, truy xuất dữ liệu từ cơ sở dữ liệu nguồn và trả kết quả về cho đơn vị.

IV. HƯỚNG DẪN DÀNH CHO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU

Các cơ quan, đơn vị có cơ sở dữ liệu chuyên ngành cần chia sẻ thực hiện theo 03 bước sau:

Bước 1. Xây dựng đặc tả và cấu hình dịch vụ: Đơn vị lập tài liệu đặc tả kỹ thuật theo chuẩn OpenAPI 3.0 (Swagger) gửi Văn phòng Trung ương Đảng. Căn cứ đặc tả, LGSP sẽ được cấu hình các dịch vụ trung gian (Proxy Services) hoặc dịch vụ truy xuất trực tiếp (Data Services) để tiếp nhận luồng tin.

Bước 2. Tích hợp trên môi trường Thử nghiệm: Dịch vụ được thiết lập tại môi trường Thử nghiệm. Tại đây, đơn vị phối hợp cấu hình tường lửa tiếp nhận dải IP của LGSP; đồng thời dịch vụ phải được kiểm thử chịu tải (Load Testing) và kiểm thử an toàn thông tin (Penetration Testing), bảo đảm không có các lỗ hổng (SQL Injection, XSS...) theo danh sách OWASP Top 10.

Bước 3. Vận hành trên môi trường Chính thức: Sau khi kiểm thử đạt yêu cầu, dịch vụ được kích hoạt trên môi trường Chính thức. Dịch vụ được vận hành đồng bộ giữa Trung tâm dữ liệu chính (DC) và Trung tâm dự phòng thảm hoạ (DR), bảo đảm tính sẵn sàng cao, thời gian khôi phục dịch vụ (RTO) dưới 01 giờ khi có sự cố.

V. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÒNG ĐỜI API, LƯU VẾT VÀ ĐỐI SOÁT GIAO DỊCH

1. Quản lý vòng đời API

Khi có sự thay đổi về cấu trúc dữ liệu, đơn vị cung cấp phải phát hành phiên bản API mới (ví dụ: /v2/) và bắt buộc duy trì hoạt động song song phiên bản cũ tối thiểu 180 ngày để các đơn vị đang khai thác có thời gian cập nhật phần mềm. Khi ngừng cung cấp dịch vụ, phải có văn bản thông báo trước ít nhất 60 ngày.

2. Lưu vết (Logging) và Giám sát

Mọi giao dịch qua LGSP đều được ghi nhật ký hệ thống tự động (bao gồm: mã giao dịch, thời gian, IP truy cập, mã lỗi). Nhật ký được lưu trữ trên cụm máy chủ Elasticsearch và đẩy về Trung tâm Giám sát ANTT mạng (SOC) của Đảng. Tuyệt đối nghiêm cấm việc ghi lại nội dung chi tiết của dữ liệu Mật, thông tin mật khẩu dưới dạng bản rõ (plain text) trong tệp nhật ký.

3. Đối soát giao dịch

Căn cứ Hệ thống quản lý, vận hành nền tảng, Văn phòng Trung ương Đảng cung cấp công cụ thống kê, báo cáo trực tuyến để cơ quan cung cấp và cơ quan khai thác chủ động thực hiện đối soát giao dịch định kỳ, bảo đảm tính minh bạch, chính xác của luồng dữ liệu liên thông.

QUYẾT ĐỊNH

**về việc ban hành Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0
trong các cơ quan đảng**

- Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15/11/2018; Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023; Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26/6/2025; Luật An ninh mạng ngày 10/12/2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương ban hành quy định về mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quyết định số 15-QĐ/BCĐ, ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng về việc phê duyệt Chiến lược dữ liệu trong các cơ quan đảng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 16-QĐ/BCĐ, ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng về việc phê duyệt Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg, ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung (phiên bản 1.0);

- Xét đề nghị của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu.

CHÁNH VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng.

Điều 2. Các cơ quan đảng ở Trung ương, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Đồng chí Chánh Văn phòng
Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Các đồng chí lãnh đạo
Văn phòng Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Thào Thành Hưng

TỪ ĐIỂN DỮ LIỆU DÙNG CHUNG PHIÊN BẢN 1.0

TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

*(Kèm theo Quyết định số 308-QĐ/VPTW, ngày 01/6/2026
của Văn phòng Trung ương Đảng)*

I- MỤC TIÊU, PHẠM VI

1. Mục tiêu

Mục tiêu cốt lõi của việc xây dựng Từ điển dữ liệu dùng chung cho các cơ quan Đảng là thiết lập một "ngôn ngữ chung" chính thức và thống nhất về dữ liệu trong toàn hệ thống, cụ thể như sau:

Chuẩn hoá: Phát triển bộ từ vựng dùng chung và các bộ từ vựng lĩnh vực, làm chuẩn thống nhất cho việc thiết kế, xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin.

Liên thông và Đồng bộ: Đảm bảo dữ liệu được hiểu và diễn giải nhất quán, chính xác trên toàn hệ thống, tạo cơ sở nền tảng cho việc liên thông, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm sự đồng bộ, tương thích trên phạm vi rộng, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành và chuyển đổi số.

Quản trị và Giám sát: Thiết lập cơ chế hướng dẫn, giám sát và kiểm soát tuân thủ quy định Từ điển dữ liệu dùng chung, nâng cao chất lượng dữ liệu và hiệu quả ra quyết định.

Nền tảng Quản lý Siêu dữ liệu: Là thành phần cốt lõi và nguồn tham chiếu chính thức cho Hệ thống Quản lý Siêu dữ liệu của các cơ quan Đảng.

Đồng bộ với Bộ Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia: Bảo đảm các thuật ngữ, danh mục dữ liệu của các cơ quan Đảng được tham chiếu, ánh xạ với Bộ Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia do Trung tâm Dữ liệu Quốc gia (Bộ Công an) chủ trì xây dựng; ưu tiên sử dụng các thuật ngữ chuẩn quốc gia đã được phê duyệt, hạn chế tối đa việc tự định nghĩa lại.

2. Phạm vi

Từ điển dữ liệu dùng chung cho các cơ quan Đảng được áp dụng thống nhất tại các cơ quan Đảng trong hoạt động trực tiếp hoặc có liên quan đến các nội dung thiết kế, xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu. Từ điển dữ liệu dùng chung là một cấu phần của hệ thống quản trị dữ liệu của các cơ quan Đảng, được xây dựng và vận hành đồng bộ với Kiến trúc dữ liệu và Khung quản trị, quản lý dữ liệu.

II- NGUYÊN TẮC CỐT LÕI

1. Nguyên tắc tổng quan

Chuẩn hoá: Sử dụng thuật ngữ, định nghĩa và cấu trúc thống nhất, phù hợp với pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia, hạn chế tối đa việc tạo thuật ngữ trùng lặp.

Nhất quán, xuyên suốt: Áp dụng nhất quán trong tất cả các hoạt động kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.

Tương thích và liên thông: Hỗ trợ trao đổi, liên thông và tích hợp dữ liệu giữa các hệ thống, nền tảng dữ liệu trong các cơ quan Đảng và quốc gia.

Đồng bộ và ưu tiên Bộ từ vựng cốt lõi quốc gia: Các thuật ngữ, danh mục dữ liệu của các cơ quan Đảng phải được rà soát, đồng bộ với Bộ Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia. Trường hợp đã có thuật ngữ chuẩn quốc gia, phải tham chiếu, sử dụng thay vì tự định nghĩa mới.

2. Nguyên tắc cụ thể

a) Nguyên tắc Quản trị và tổ chức

Một nguồn tin cậy duy nhất: Mọi khái niệm nghiệp vụ, yếu tố dữ liệu và danh mục dùng chung phải được định nghĩa và quản lý tại một nguồn duy nhất, có thẩm quyền.

Dữ liệu "sống" và quản trị linh động: Từ điển dữ liệu dùng chung phải được cập nhật, bổ sung và hoàn thiện liên tục thông qua các quy trình quản trị vòng đời rõ ràng.

Tuân thủ là bắt buộc: Việc tham chiếu và tuân thủ các định nghĩa, cấu trúc đã được ban hành là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin.

b) Nguyên tắc kỹ thuật và cấu trúc siêu dữ liệu (Metadata)

Mọi thuật ngữ được định nghĩa trong Từ điển dữ liệu dùng chung của các cơ quan Đảng phải tuân thủ cấu trúc mô tả bao gồm 04 nhóm thuộc tính bắt buộc:

Nhóm thuộc tính định danh: Tên nghiệp vụ, Tên kỹ thuật, Định nghĩa nghiệp vụ (phải bảo đảm cấu trúc: Là gì - Dùng cho ai - Theo quy định nào).

Nhóm thuộc tính kỹ thuật: Kiểu dữ liệu, logic dữ liệu, định dạng, độ dài, trạng thái dữ liệu, xác thực dữ liệu (bắt buộc).

Nhóm an toàn bảo mật: Phân cấp, phân quyền truy cập và phân loại nhóm quyền truy cập (theo mức độ văn bản).

Nhóm tham chiếu: Hệ thống gốc tạo lập dữ liệu (SOR), Mã tham chiếu quốc gia (CDE) hoặc Đề xuất phương án ánh xạ với chuẩn quốc gia.

c) Cơ chế Bộ từ vựng cốt lõi và Ánh xạ thuật ngữ

Phương án A (Định nghĩa mới đặc thù): Áp dụng đối với thuật ngữ đặc thù chưa có trong Bộ Từ điển quốc gia (Mã đảng viên, Chức vụ Đảng...). Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu sẽ phối hợp Trung tâm Dữ liệu Quốc gia thẩm định, đề xuất đưa vào Bộ từ vựng cốt lõi quốc gia. Trong thời gian chờ cấp mã CDE quốc gia, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu cấp mã định danh tạm thời nội bộ; mã tạm thời này được thay thế bằng mã CDE chính thức khi được Trung tâm Dữ liệu Quốc gia cấp.

Phương án B (Tham chiếu trực tiếp): Áp dụng đối với các thuật ngữ chung đã có mã định danh trong Bộ Từ điển quốc gia (Họ tên, Ngày sinh, CCCD...). Cơ quan Đảng sử dụng nguyên cấu trúc kỹ thuật của chuẩn quốc gia.

III- HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Các cơ quan Đảng sử dụng Nền tảng Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia do Trung tâm Dữ liệu Quốc gia, Bộ Công an xây dựng và vận hành để quản lý từ vựng chuyên ngành của Đảng theo cơ chế phân tầng (Từ vựng cốt lõi + Từ vựng chuyên ngành). Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu là đầu mối chủ trì quản lý, cập nhật từ vựng chuyên ngành Đảng trên Nền tảng này theo hướng dẫn của Trung tâm Dữ liệu Quốc gia, Bộ Công an.

2. Cơ quan thường trực (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu): chịu trách nhiệm quản trị, vận hành nền tảng; là đầu mối trực tiếp phối hợp với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia (Bộ Công an) để đồng bộ và đề xuất bổ sung các thuật ngữ đặc thù của Đảng.

3. Chủ sở hữu Dữ liệu: chịu trách nhiệm cuối cùng về tính chính xác và phê duyệt ban hành các thuật ngữ nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách.

4. Người dùng dữ liệu: là người dùng được phân cấp, phân quyền tại các cơ quan của đảng từ trung ương tới địa phương, có trách nhiệm khai thác, sử dụng, bảo toàn và góp ý thuộc lĩnh vực công tác.

5. Cơ chế phản hồi, báo cáo: Các đơn vị trực tiếp ứng dụng công nghệ thực hiện phản hồi, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các vướng mắc kỹ thuật hoặc nhu cầu phát sinh thuật ngữ mới trong thực tiễn tác nghiệp. Điều này giúp cơ sở dữ liệu từ điển luôn được cập nhật bổ sung liên tục và vận hành linh động phù hợp với thực tế.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ LỘ TRÌNH

1. Lộ trình triển khai Từ điển dữ liệu dùng chung của các cơ quan Đảng

Giai đoạn 1 (đến hết 2026): Yêu cầu Trung tâm Dữ liệu Quốc gia, Bộ Công an cấp phát tài khoản để cập nhật chuẩn hoá các thuật ngữ cốt lõi, chuyên ngành tại Phụ lục Phiên bản 1.0; thực hiện ánh xạ đối với các thuật ngữ đã có trong Bộ từ vựng quốc gia. Đảm bảo lộ trình triển khai của các cơ quan đảng đồng bộ với mốc thời gian công bố Bộ Từ điển dữ liệu quốc gia phiên bản 1.0, tránh tình trạng phiên bản của các cơ quan đảng công bố sau và lệch chuẩn so với phiên bản quốc gia.

Giai đoạn 2 (năm 2027): Hoàn thiện ánh xạ toàn bộ; thẩm định các thuật ngữ đặc thù của Đảng liên thông quốc gia; mở rộng việc tuân thủ cấu trúc dữ liệu tới các Tỉnh uỷ, thành uỷ.

Giai đoạn 3 (từ năm 2028): Tối ưu hoá, tự động hoá quản trị từ điển; tổ chức thí điểm nâng cấp Web ngữ nghĩa đối với một số cơ sở dữ liệu trọng yếu trước khi mở rộng ra toàn hệ thống. Nghiên cứu, thí điểm triển khai Hệ thống Quản trị Siêu dữ liệu (Metadata Management System) toàn diện theo mô hình đa lớp (Business Term - Thuật ngữ nghiệp vụ; Data Asset - Tài sản dữ liệu; Physical Metadata - Siêu dữ liệu vật lý; Integration Metadata - Siêu dữ liệu tích hợp; Pipeline Metadata - Siêu dữ liệu luồng xử lý) theo đề xuất của Trung tâm Dữ liệu Quốc gia, Bộ Công an.

2. Tuân thủ bắt buộc:

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, tất cả dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp hệ thống thông tin bắt buộc phải tham chiếu, sử dụng các định nghĩa, cấu trúc từ Hệ thống quản lý Từ điển dữ liệu.

V- CHI TIẾT TỪ ĐIỂN DỮ LIỆU DÙNG CHUNG TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

1. Bảng đối tượng dữ liệu chủ trong các cơ quan Đảng

STT	Tên thực thể	Định nghĩa nghiệp vụ	Đơn vị chủ quản	Phiên bản
1	Hồ sơ đảng viên	Thông tin, hồ sơ cá nhân của người Đảng viên trong Tổ chức Đảng.	Ban TCTW	1.0

STT	Tên thực thể	Định nghĩa nghiệp vụ	Đơn vị chủ quản	Phiên bản
2	Cán bộ, công chức, viên chức	Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong Cơ quan, đơn vị.	Ban TCTW	1.0
3	Tổ chức Đảng	Thông tin nền tảng về tổ chức cơ sở Đảng các cấp.	Ban TCTW	1.0
4	Tổ chức bộ máy	Cơ quan, đơn vị hành chính thuộc hệ thống chính trị.	Ban TCTW	1.0
5	Cơ quan, tổ chức khác	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài hệ thống bộ máy Đảng.	Ban TCTW	1.0
6	Hồ sơ văn bản điện tử	Dữ liệu gốc của văn bản chỉ đạo, điều hành và tài liệu lưu trữ.	VPTWĐ	1.0
7	Tài sản, trang thiết bị	Thông tin nền tảng về tài sản, trang thiết bị của cơ quan, tổ chức.	VPTWĐ	1.0
8	Báo cáo viên, tuyên truyền viên	Báo cáo viên, tuyên truyền viên chính thức của Đảng.	Ban TGDVTW	1.0
9	Mã định danh đảng viên	Hệ thống mã định danh duy nhất cấp cho đảng viên trên toàn quốc.	Ban TCTW	1.0
10	Trạng thái kỷ luật	Thông tin nền tảng về các hình thức, trạng thái kỷ luật của Đảng.	UBKTTW	1.0
11	Địa bàn hành chính	Danh mục phân cấp địa giới hành chính dùng chung.	VPTWĐ	1.0
12	Danh mục chức danh	Hệ thống danh mục chức danh, chức vụ Đảng và chính quyền.	Ban TCTW	1.0

STT	Tên thực thể	Định nghĩa nghiệp vụ	Đơn vị chủ quản	Phiên bản
13	Vai trò	Nhóm vai trò người dùng trong các hệ thống thông tin của Đảng.	VPTWĐ	1.0
14	Quyền hạn	Tập hợp các quyền hạn, chức năng thao tác gắn với vai trò.	VPTWĐ	1.0
15	Vụ việc	Vụ việc mà các cơ quan Đảng quản lý tiếp nhận và xử lý.	UBKTTW, Ban Nội chính TW, Văn phòng TW Đảng, Cơ quan tiếp nhận	1.0

Ghi chú:

Dữ liệu chủ (Master Data): Là các đối tượng dữ liệu cốt lõi, ít thay đổi, đóng vai trò nền tảng và được sử dụng xuyên suốt trong nhiều quy trình nghiệp vụ của các cơ quan Đảng (Ví dụ: Thực thể "Đảng viên" được dùng chung cho cả phần mềm Quản lý đảng viên, phần mềm Khen thưởng - Kỷ luật và phần mềm Đánh giá cán bộ).

Đơn vị chủ quản: Là cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất trong việc định nghĩa cấu trúc và quản lý vòng đời của thực thể dữ liệu này trên toàn hệ thống.

2. Bảng phân tử dữ liệu cốt lõi

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc điền?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
1	Số định danh cá nhân	SoCCCD	Là dãy số định danh duy nhất cấp cho công dân Việt Nam - Dùng để xác định danh tính - Theo quy định của Luật Căn cước.	Sử dụng để đối chiếu, xác thực thông tin nhân thân cơ bản.	String	12 ký tự số	Có	CSDL Quốc gia về Dân cư	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-CN-001
2	Họ và tên	HoVaTen	Là họ, chữ đệm và tên khai sinh - Dùng để định danh cá nhân - Theo quy định của pháp luật về hộ tịch.	Sử dụng xuyên suốt trong các biểu mẫu, hồ sơ cán bộ, đảng viên.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	CSDL Quốc gia về Dân cư	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	Tham chiếu mã QG
3	Giới tính	GioiTinh	Là đặc điểm giới tính sinh học của cá nhân (Nam/Nữ) - Dùng để phân loại nhân khẩu học - Theo quy định của Bộ Công an.	Sử dụng trong thống kê, phân tích dữ liệu cán bộ.	String	Theo danh mục	Có	CSDL Quốc gia về Dân cư	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-CN-002

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
4	Dân tộc	DanToc	Là tên gọi dân tộc của cá nhân - Dùng để thống kê nhân khẩu - Theo Danh mục dân tộc Việt Nam.	Sử dụng để đánh giá cơ cấu cán bộ, đảng viên.	String	Theo danh mục	Có	CSDL Quốc gia về Dân cư	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-CN-004
5	Tôn giáo	TonGiao	Là tên tôn giáo mà cá nhân đang theo - Dùng để quản lý nhân thân - Theo Danh mục Tôn giáo.	Thu thập trong lý lịch đảng viên, hồ sơ cán bộ.	String	Theo danh mục	Có	CSDL Quốc gia về Dân cư	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-CN-005
6	Quốc tịch	QuocTich	Là quốc tịch của cá nhân - Dùng để xác định tư cách công dân - Theo chuẩn mã quốc gia.	Thu thập trong hồ sơ lý lịch.	String	Theo danh mục	Có	CSDL Quốc gia về Dân cư	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-CN-003

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
7	Tình trạng hôn nhân	TinhTrangHonNhan	Là tình trạng pháp lý về hôn nhân của cá nhân - Dùng để quản lý nhân thân - Theo Luật Hôn nhân.	Thu thập trong kê khai tài sản, lý lịch.	String	Theo danh mục	Không	CSDL Hộ tịch điện tử	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
8	Ngày tháng năm sinh	NgayThangNamSinh	Là ngày, tháng, năm sinh của cá nhân - Dùng để tính tuổi và quản lý nhân thân - Theo quy định của Bộ Công an.	Sử dụng để tính tuổi, lập danh sách nghỉ hưu, quy hoạch.	String	YYYY-MM-DD	Có	CSDL Quốc gia về Dân cư	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-001
9	Ngày vào Đảng	NgayVaoDang	Là ngày cá nhân được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam - Dùng để quản lý hồ sơ - Theo Điều lệ Đảng.	Sử dụng để tính tuổi Đảng dự bị.	String	YYYY-MM-DD	Có	CSDL Đảng viên	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc điển?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
10	Ngày vào Đảng chính thức	NgayVaoDangChinhThuc	Là ngày cá nhân được chuyển Đảng chính thức - Dùng để tính tuổi Đảng - Theo Điều lệ Đảng.	Sử dụng để tính tuổi Đảng, xét thâm niên, quy hoạch.	String	YYYY-MM-DD	Có	CSDL Đảng viên	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
11	Số thẻ Đảng	SoTheDang	Là dãy số định danh duy nhất cấp cho Đảng viên - Dùng để quản lý hồ sơ Đảng - Theo quy định của Ban Tổ chức TW.	Sử dụng để tra cứu, xác thực thẻ đảng viên.	String	12 ký tự số	Có	CSDL Đảng viên	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
12	Chức vụ Đảng	ChucVuDang	Là chức danh lãnh đạo trong tổ chức Đảng mà cá nhân đang đảm nhiệm - Dùng để phân cấp quản lý - Theo quy định của Ban Tổ chức TW.	Sử dụng để phân quyền, quản lý cán bộ lãnh đạo.	String	Theo danh mục	Không	CSDL Tổ chức Đảng	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
13	Số hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Là chuỗi ký tự gồm số và ký hiệu định danh duy nhất cho văn bản - Dùng để quản lý văn bản - Theo quy định công tác văn thư.	Sử dụng để tra cứu, định danh văn bản trên hệ thống.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	CSDL Quản lý văn bản	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
14	Loại văn bản	LoaiVanBan	Là hình thức của văn bản chỉ đạo, điều hành - Dùng để phân loại tài liệu - Theo quy định công tác văn thư.	Sử dụng khi phân loại, lưu trữ văn bản đi/đến.	String	Theo danh mục	Có	CSDL Quản lý văn bản	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
15	Độ mật	DoMat	Là mức độ bảo vệ bí mật của văn bản, tài liệu - Dùng để phân loại giới hạn truy cập - Theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	Gán nhãn khi khởi tạo văn bản mật, điều khiển quyền xem.	String	Theo danh mục	Có	CSDL Quản lý văn bản	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
16	Trích yếu nội dung	TrichYeuNoiDung	Là phần tóm tắt nội dung chủ yếu của văn bản - Dùng để tra cứu nhanh - Theo quy định công tác văn thư.	Hiển thị trên danh sách văn bản để người dùng nắm bắt nhanh.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	CSDL Quản lý văn bản	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
17	Trạng thái văn bản	TrangThaiVanBan	Là trạng thái của văn bản - Dùng để theo dõi luồng xử lý văn bản - Theo quy định của Văn phòng TW Đảng.	Sử dụng để kiểm soát tiến độ luân chuyển, thẩm định tài liệu.	String	Theo danh mục	Có	CSDL Quản lý Văn bản	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
18	Mã vụ việc	MaVuViec	Là chuỗi ký tự định danh duy nhất cho một vụ việc - Dùng để quản lý vòng đời xử lý vụ việc - Theo quy định của Ban Nội chính TW.	Sử dụng làm khoá chính để liên kết các tài liệu của cùng một vụ việc.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	CSDL đơn, thư, khiếu nại tố cáo	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
19	Phân loại vụ việc	PhanLoaiVuViec	Là nhóm tính chất của vụ việc - Dùng để phân loại xử lý - Theo quy định của Ban Nội chính TW.	Sử dụng để thống kê, báo cáo tình hình tiếp nhận đơn, thư.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	CSDL đơn, thư, khiếu nại tố cáo	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
20	Số vụ việc	SoVuViec	Là số hiệu tiếp nhận vụ việc cấp trong ngày - Dùng để quản lý thứ tự xử lý - Theo quy định của Ban Nội chính TW.	Sử dụng để sắp xếp ưu tiên xử lý trong ngày.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	CSDL đơn, thư, khiếu nại tố cáo	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
21	Tên vụ việc	TenVuViec	Là tên gọi chính thức của vụ việc - Dùng để phân biệt và tra cứu - Theo quy định của Ban Nội chính TW.	Sử dụng để hiển thị trên danh sách quản lý vụ việc.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	CSDL đơn, thư, khiếu nại tố cáo	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
22	Mã chương trình/kế hoạch	MaChuongTrinhKeHoach	Là chuỗi ký tự định danh duy nhất cho một chương trình/kế hoạch - Dùng để quản lý, theo dõi trên hệ thống - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để liên kết các công việc, dự án thuộc cùng chương trình.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
23	Tên chương trình/kế hoạch	TenChuongTrinhKeHoach	Là tên gọi chính thức của chương trình/kế hoạch - Dùng để định danh và tra cứu - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để hiển thị trên các báo cáo, danh sách điều hành.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
24	Loại chương trình/kế hoạch	LoaiChuongTrinhKeHoach	Là thông tin phân loại chương trình/kế hoạch - Dùng để phân nhóm quản lý - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để phân rã thống kê theo nhóm tính chất công việc.	String	Theo danh mục	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
25	Nội dung chương trình/kế hoạch	NoiDungChuongTrinhKeHoach	Là nội dung chi tiết, mục tiêu, yêu cầu của chương trình/kế hoạch - Dùng để làm căn cứ thực hiện - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để phổ biến, quán triệt nội dung công việc cho các đơn vị.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
26	Ngày bắt đầu CT/KH	NgayBatDauCTKH	Là thời điểm bắt đầu triển khai chương trình/kế hoạch - Dùng để theo dõi mốc thời gian - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để kích hoạt trạng thái theo dõi tiến độ.	String	YYYY-MM-DD	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-001
27	Ngày kết thúc CT/KH	NgayKetThucCTKH	Là thời điểm dự kiến hoàn thành chương trình/kế hoạch - Dùng để đánh giá tiến độ - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để tính toán tỉ lệ trễ hạn, lập cảnh báo tự động.	String	YYYY-MM-DD	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-001

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
28	Cấp CT/KH	CapCTKH	Là cấp thẩm quyền ban hành hoặc quản lý chương trình, kế hoạch - Dùng để phân cấp quyền quản lý - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để phân quyền truy cập, hiển thị báo cáo theo cấp.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
29	Hoạt động theo dự án	HoatDongTheoDuAn	Là thông tin xác định hình thức hợp tác đối tác công tư - Dùng để phân loại mô hình đầu tư - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để phân loại nguồn vốn và phương thức quản lý dự án.	String	Theo danh mục	Có	HT QL tài chính tài sản	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
30	Kiểu dự án	KieuDuAn	Là thông tin phân loại dự án trung hạn - Dùng để quản lý danh mục đầu tư - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn.	String	Theo danh mục	Có	HT QL tài chính tài sản	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
31	Loại dự án	LoaiDuAn	Là phân loại tính chất dự án - Dùng để quản lý nguồn vốn và hình thức đầu tư - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để phân nhóm dự án mua sắm, xây dựng cơ bản.	String	Theo danh mục	Có	HT QL tài chính tài sản	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
32	Mã dự án	MaDuAn	Là chuỗi ký tự định danh duy nhất của dự án - Dùng để quản lý thông suốt vòng đời dự án - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng làm mã khoá chính liên kết ngân sách, tiến độ dự án.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	HT QL tài chính tài sản	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
33	Nhóm dự án	NhomDuAn	Là phân nhóm quy mô dự án - Dùng để phân cấp thẩm quyền phê duyệt - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để xác định quy trình, cấp phê duyệt thẩm định.	String	Theo danh mục	Có	HT QL tài chính tài sản	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
34	Tên dự án	TenDuAn	Là tên gọi chính thức của dự án - Dùng để định danh và tra cứu - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng hiển thị trên danh mục, báo cáo đầu tư.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT QL tài chính tài sản	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
35	Trạng thái dự án	TrangThaiDuAn	Là thông tin phản ánh tình trạng hiện tại của dự án - Dùng để theo dõi tiến độ - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để chuyển luồng trạng thái, đóng/mở giải ngân.	String	Theo danh mục	Có	HT QL tài chính tài sản	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
36	Mã đề án	MaDeAn	Là chuỗi ký tự định danh duy nhất của đề án - Dùng để quản lý và theo dõi quá trình thực hiện - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng làm mã định danh tham chiếu trong các văn bản liên quan.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	Chưa xác định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
37	Tên đề án	TenDeAn	Là tên gọi chính thức của đề án - Dùng để định danh và tra cứu - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng hiển thị trên các màn hình quản lý danh mục đề án.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	Chưa xác định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
38	Lý do xây dựng	LyDoXayDung	Là thông tin giải trình tính cấp thiết - Dùng để phục vụ công tác thẩm định - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng làm tài liệu tham chiếu khi xét duyệt đề cương.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	Chưa xác định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
39	Mục tiêu đề án	MucTieuDeAn	Là các kết quả kỳ vọng đạt được - Dùng để làm thước đo đánh giá - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để đối chiếu, nghiệm thu khi kết thúc đề án.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	Chưa xác định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
40	Phạm vi đề án	PhamViDeAn	Là giới hạn về không gian, thời gian và đối tượng - Dùng để xác định quy mô - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để định hướng triển khai, tránh chồng chéo nguồn lực.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	Chưa xác định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
41	Nội dung đề án	NoiDungDeAn	Là các hoạt động, nhiệm vụ trọng tâm - Dùng để theo dõi công việc - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để phân rã thành các gói thầu, nhiệm vụ chi tiết.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	Chưa xác định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
42	Tiến độ thực hiện đề án	TienDoThucHienDeAn	Là tỉ lệ phần trăm các bước đã thực hiện - Dùng để giám sát tiến độ - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để tạo biểu đồ theo dõi, báo cáo định kỳ.	Integer	Từ 0 đến 100	Có	Chưa xác định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc điển?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
43	Ngân sách thực hiện đề án	NganSachThucHienDeAn	Là tổng mức kinh phí dự kiến hoặc đã phê duyệt - Dùng để quản lý nguồn vốn - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để lập kế hoạch giải ngân, kiểm soát chi phí.	Integer	Số nguyên dương	Có	Chưa xác định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
44	Tên phong trào/sự kiện	TenPTHDSK	Là tên gọi chính thức của phong trào, sự kiện - Dùng để định danh và tra cứu - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng hiển thị trên hệ thống tin tức, cổng thông tin.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
45	Mã phong trào/sự kiện	MaPTHDSK	Là chuỗi ký tự định danh duy nhất của phong trào, sự kiện - Dùng để quản lý đối tượng trên hệ thống - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng làm mã khoá liên kết với danh sách đại biểu tham gia.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc điển?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
46	Mục tiêu phong trào/sự kiện	MucTieuPTHDSK	Là kết quả kỳ vọng của phong trào, sự kiện - Dùng để đánh giá hiệu quả - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng trong báo cáo tổng kết, nghiệm thu sự kiện.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
47	Chủ đề phong trào/sự kiện	ChuDePTHDSK	Là tư tưởng, thông điệp chính của phong trào, sự kiện - Dùng để định hướng tuyên truyền - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để thiết kế truyền thông, báo cáo chuyên đề.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
48	Nội dung phong trào/sự kiện	NoiDungPTHDSK	Là nội dung chi tiết các hoạt động sẽ diễn ra - Dùng để quản lý và tổ chức - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để xây dựng kịch bản, lịch trình sự kiện chi tiết.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
49	Quy mô phong trào/sự kiện	QuyMoPTHDSK	Là thông tin về phạm vi, số lượng người tham gia - Dùng để đánh giá sức lan toả - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để lên kế hoạch hậu cần, an ninh, y tế.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
50	Địa điểm phong trào/sự kiện	DiaDiemPTHDSK	Là thông tin về nơi tổ chức - Dùng để phục vụ hậu cần - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để in giấy mời, điều phối xe, an ninh.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
51	Thời gian bắt đầu	ThoiGianBatDauPTHDSK	Là thời điểm bắt đầu diễn ra sự kiện, phong trào - Dùng để theo dõi lịch trình - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để lập lịch trên hệ thống, gửi nhắc nhở.	String	YYYY-MM-DD	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-001

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc điển?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
52	Thời gian kết thúc	ThoiGianKetThucPTHDSK	Là thời điểm kết thúc sự kiện, phong trào - Dùng để theo dõi lịch trình - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để đóng hệ thống đăng ký, lập báo cáo sau sự kiện.	String	YYYY-MM-DD	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-001
53	Mã nhiệm vụ	MaNhiemVu	Là chuỗi ký tự định danh duy nhất cho một nhiệm vụ - Dùng để quản lý và theo dõi quá trình xử lý - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để quản lý luồng công việc của từng cá nhân/đơn vị.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
54	Tên nhiệm vụ	TenNhiemVu	Là tên gọi vắn tắt của công việc cần thực hiện - Dùng để tra cứu, phân loại nhiệm vụ - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để hiển thị trên bảng điều khiển công việc.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
55	Loại nhiệm vụ	LoaiNhiemVu	Là phân loại tính chất công việc - Dùng để phân nhóm quản lý nhiệm vụ - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để ưu tiên mức độ khẩn cấp, phân loại báo cáo.	String	Theo danh mục	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
56	Thời gian bắt đầu nhiệm vụ	ThoiGianBatDauNV	Là thời điểm bắt đầu triển khai công việc - Dùng để theo dõi mốc thời gian - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để ghi nhận tiến độ khởi tạo công việc.	String	YYYY-MM-DD	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-001
57	Thời gian kết thúc nhiệm vụ	ThoiGianKetThucNV	Là thời điểm hạn chót phải hoàn thành nhiệm vụ - Dùng để đôn đốc công việc - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để tính thời gian trễ hạn, đánh giá KPI cá nhân.	String	YYYY-MM-DD	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-001

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
58	Nội dung nhiệm vụ	NoiDungNhiemVu	Là thông tin chi tiết về yêu cầu, cách thức thực hiện - Dùng để làm căn cứ xử lý - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để người thực hiện nắm rõ chỉ đạo.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
59	Tiến độ thực hiện nhiệm vụ	TienDoThucHienNV	Là tỉ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành - Dùng để báo cáo giám sát tình hình thực hiện - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để theo dõi trực quan trên phần mềm quản lý công việc.	Integer	Từ 0 đến 100	Có	HT tham mưu và thẩm định	Có điều kiện	Dữ liệu cốt lõi	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
60	Số điện thoại	SoDienThoai	Là chuỗi các số thể hiện số điện thoại liên lạc của báo cáo viên - Dùng để liên hệ, trao đổi công việc - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để liên hệ trực tiếp, gửi tin nhắn SMS mời họp.	String	Tối đa 15 ký tự	Không	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-LL-001

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
61	Chức vụ	ChucVu	Là chức vụ hiện tại báo cáo viên đang đảm nhiệm - Dùng để quản lý thông tin nhân sự - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để đánh giá năng lực, giới thiệu báo cáo viên.	String	Theo danh mục	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
62	Đơn vị công tác	DonViCongTac	Là tên cơ quan, tổ chức nơi báo cáo viên đang làm việc - Dùng để theo dõi quá trình công tác - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để phân luồng quản lý theo cơ quan chủ quản.	String	Theo danh mục	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
63	Cấp quản lý	CapQuanLy	Là cấp hành chính quản lý trực tiếp báo cáo viên - Dùng để phân cấp tổ chức lực lượng - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để phân quyền điều hành báo cáo viên các cấp.	String	Theo danh mục	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
64	Trình độ lý luận	TrinhDoLyLuan	Là thông tin về trình độ đào tạo lý luận chính trị - Dùng để đánh giá tiêu chuẩn báo cáo viên - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để lọc và sắp xếp báo cáo viên cho các chủ đề phù hợp.	String	Theo danh mục	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
65	Trình độ chuyên môn	TrinhDoChuyenMon	Là thông tin về trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ - Dùng để đánh giá năng lực - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để bố trí báo cáo viên vào lĩnh vực chuyên sâu.	String	Theo danh mục	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
66	Số quyết định	SoQuyetDinh	Là chuỗi ký tự định danh quyết định công nhận báo cáo viên - Dùng để lưu trữ hồ sơ pháp lý - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để đối chiếu tính hợp lệ của báo cáo viên.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
67	Thời gian quyết định	ThoiGianQuyetDinh	Là thời điểm ban hành quyết định công nhận báo cáo viên - Dùng để theo dõi thời hạn hiệu lực - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để nhắc nhở khi sắp hết hạn công nhận.	String	YYYY-MM	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-002
68	Trạng thái hoạt động	TrangThaiHoatDong	Là trạng thái hoạt động hiện tại của báo cáo viên - Dùng để phân công nhiệm vụ - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để loại bỏ các báo cáo viên đã nghỉ hoặc tạm dừng khỏi danh sách phân công.	String	Theo danh mục	Có	HT TT Tuyên giáo và dân vận	Có điều kiện	Dữ liệu cá nhân	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
69	Mã đợt KTGS	MaDotKTGS	Là chuỗi ký tự định danh duy nhất của đợt kiểm tra, giám sát - Dùng để quản lý và truy vết hồ sơ trên hệ thống - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng làm khoá chính để lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến đợt KTGS.	String	Tối đa 50 ký tự	Có	HT TT lĩnh vực Kiểm tra, giám sát	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
70	Tên đợt KTGS	TenDotKTGS	Là tên gọi chính thức của đợt kiểm tra, giám sát - Dùng để định danh và tra cứu thông tin - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng hiển thị trên danh sách quản lý các cuộc KTGS.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT TT lĩnh vực Kiểm tra, giám sát	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
71	Nội dung KTGS	NoiDungKTGS	Là thông tin mô tả chi tiết phạm vi, đối tượng và yêu cầu của đợt KTGS - Dùng để kiểm soát quá trình thực hiện - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để các thành viên đoàn KTGS bám sát yêu cầu nhiệm vụ.	String	Tối đa 500 ký tự	Có	HT TT lĩnh vực Kiểm tra, giám sát	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]
72	Đối tượng KTGS	DoiTuongKTGS	Là thông tin về các cá nhân, tổ chức chịu sự kiểm tra, giám sát - Dùng để quản lý, xác định đúng phạm vi - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để liên kết với hồ sơ cán bộ/tổ chức đang đang bị KTGS.	String	Chuỗi định dạng JSON	Có	HT TT lĩnh vực Kiểm tra, giám sát	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	[Tự định nghĩa - Phương án A]

STT	Tên hiển thị	Tên kỹ thuật	Định nghĩa nghiệp vụ	Ngữ cảnh sử dụng	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Bắt buộc diễn?	Hệ thống gốc tạo lập (SOR)	Quyền truy cập	Phân loại dữ liệu	Mức độ mật	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)
73	Thời gian bắt đầu KTGS	ThoiGianBatDauKTGS	Là thời điểm bắt đầu triển khai đợt kiểm tra, giám sát - Dùng để quản lý tiến độ thực hiện - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để theo dõi thời hạn hợp lệ của cuộc KTGS.	String	YYYY-MM-DD	Có	HT TT lĩnh vực Kiểm tra, giám sát	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-004
74	Thời gian kết thúc KTGS	ThoiGianKetThucKTGS	Là thời điểm hoàn thành đợt kiểm tra, giám sát - Dùng để tổng kết đợt KTGS - Theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sử dụng để kết thúc hồ sơ và chuyển sang giai đoạn thi hành kỷ luật.	String	YYYY-MM-DD	Có	HT TT lĩnh vực Kiểm tra, giám sát	Có điều kiện	Dữ liệu quan trọng	Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	CDE-TG-004

Ghi chú:

Tên hiển thị (Nghiệp vụ): Là tên gọi trên các giao diện phần mềm, biểu mẫu để người dùng dễ đọc, dễ hiểu.

Tên kỹ thuật: Là mã định danh dùng để thiết kế cơ sở dữ liệu cho máy tính hiểu (viết liền, không dấu).

Định nghĩa nghiệp vụ: Bắt buộc tuân thủ công thức chuẩn của Bộ Công an gồm 3 thành phần: (1) Là gì — (2) Dùng cho đối tượng nào — (3) Theo quy định pháp lý nào.

Kiểu dữ liệu Logic: Định dạng lưu trữ cốt lõi (String: Chuỗi ký tự; Integer: Số nguyên; Date: Ngày/tháng/năm).

Hệ thống gốc tạo lập (SOR - System of Record): Là hệ thống thông tin nơi dữ liệu đó được tạo ra đầu tiên, mang tính pháp lý và có độ chính xác cao nhất (Ví dụ: Hệ thống gốc của Số CCCD là CSDL Quốc gia về Dân cư).

Phân loại dữ liệu: Là việc phân nhóm dữ liệu theo Điều 3 Nghị định số 165/2025/NĐ-CP (bao gồm 3 nhóm: Dữ liệu cá nhân, Dữ liệu quan trọng, Dữ liệu cốt lõi) để áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin phù hợp.

Mức độ mật: Là mức độ bảo vệ bí mật đối với từng phần tử dữ liệu. Cơ quan chủ sở hữu/chủ quản dữ liệu sẽ có trách nhiệm rà soát, xác nhận và quyết định ban hành chính thức mức độ mật theo đúng quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Mã Từ vựng Quốc gia (CDE - Core Data Element): Là mã định danh tiêu chuẩn do Bộ Công an cấp. Việc gắn thẻ mã này giúp hệ thống của Đảng tự động liên thông, chia sẻ dữ liệu với cơ quan Nhà nước mà không bị xung đột ngôn ngữ máy.

Phương án A (Định nghĩa mới): Áp dụng đối với các trường thông tin đặc thù riêng của Đảng (Chưa có mã CDE quốc gia).

Phương án B (Tham chiếu trực tiếp): Áp dụng đối với các trường thông tin chung (Họ tên, Ngày sinh...). Bắt buộc sử dụng mã CDE quốc gia, tuyệt đối không tự định nghĩa lại.

3. Bảng danh mục dùng chung (Reference Data)

STT	Mã danh mục	Tên danh mục	Thuộc tính	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Mô tả	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)	Phiên bản	Trạng thái
1	DanToc	Dân tộc	MaDanToc	String	- 00: chưa có thông tin; - xx: Hai ký tự số thể hiện mã của dân tộc theo chuẩn của cục Thống kê	Mã dân tộc của cá nhân	CDE-CN-004	1.0	Active
2	DanToc	Dân tộc	TenDanToc	String		Tên gọi dân tộc của cá nhân	CDE-CN-004	1.0	Active
3	GioiTinh	Giới tính	MaGioiTinh	String	- 0: chưa có thông tin; - 1: giới tính nam; - 2: giới tính nữ	Mã giới tính của cá nhân	CDE-CN-002	1.0	Active
4	GioiTinh	Giới tính	TenGioiTinh	String		Tên gọi giới tính của cá nhân	CDE-CN-002	1.0	Active
5	TonGiao	Tôn giáo	MaTonGiao	String	- 00: chưa có thông tin; - xx: Hai ký tự số mã tôn giáo theo chuẩn của cục Thống kê; - 99: Không theo tôn giáo	Mã tôn giáo của cá nhân	CDE-CN-005	1.0	Active
6	TonGiao	Tôn giáo	TenTonGiao	String		Tên gọi tôn giáo của cá nhân	CDE-CN-005	1.0	Active
7	TinhTrangHonNhan	Tình trạng hôn nhân	MaTinhTrangHonNhan	String	- 0: Chưa có thông tin; - 1: Chưa kết hôn; - 2: Đang có vợ/chồng; - 3: Đã ly hôn	Mã tình trạng hôn nhân	[Tự định nghĩa - Phương án A]	1.0	Active
8	TinhTrangHonNhan	Tình trạng hôn nhân	TenTinhTrangHonNhan	String		Tên tình trạng hôn nhân	[Tự định nghĩa - Phương án A]	1.0	Active
9	QuocTich	Quốc tịch	MaQuocTich	String	- 00: Chưa có thông tin; - xx: Hai ký tự mã quốc gia theo chuẩn	Mã Quốc gia/Quốc tịch	CDE-CN-003	1.0	Active
10	QuocTich	Quốc tịch	TenQuocTich	String		Tên Quốc gia/Quốc tịch	CDE-CN-003	1.0	Active
11	ChucVuDang	Chức vụ Đảng	MaChucVuDang	String	- CV_I_01: Tổng Bí thư; - CV_II_B1_07: Bí thư Tỉnh uỷ... (Mã đặc thù của Đảng, có mở rộng ánh xạ cho cơ quan có mô hình tổ chức hỗn hợp/đặc thù)	Mã Chức vụ Đảng	[Tự định nghĩa - Phương án A]	1.0	Active

STT	Mã danh mục	Tên danh mục	Thuộc tính	Kiểu DL logic	Định dạng / Ràng buộc	Mô tả	Mã Từ vựng Quốc gia (CDE)	Phiên bản	Trạng thái
12	ChucVuDang	Chức vụ Đảng	TenChucVuDang	String		Tên Chức vụ Đảng	[Tự định nghĩa - Phương án A]	1.0	Active
13	TrangThaiVanBan	Trạng thái văn bản	MaTrangThaiVanBan	String	- 01: Dự thảo; - 02: Chờ duyệt; - 03: Đã ban hành; - 04: Đã lưu trữ; - 05: Thu hồi	Mã trạng thái văn bản	[Tự định nghĩa - Phương án A]	1.0	Active
14	TrangThaiVanBan	Trạng thái văn bản	TenTrangThaiVanBan	String		Tên trạng thái văn bản	[Tự định nghĩa - Phương án A]	1.0	Active

Ghi chú:

Dữ liệu danh mục (Reference Data): Là các bộ mã, bảng phân loại được chuẩn hoá để áp dụng thống nhất trong toàn bộ hệ thống (Ví dụ: Danh mục Giới tính, Danh mục Dân tộc). Việc sử dụng danh mục giúp người dùng phải chọn từ danh sách có sẵn thay vì tự gõ chữ, tránh tình trạng sai lệch hoặc mỗi nơi nhập một kiểu.

Mã danh mục: Là mã định danh duy nhất của bảng danh mục đó trên hệ thống phần mềm quản lý tập trung.

Tên danh mục: Tên gọi chính thức của danh mục nghiệp vụ.

Thuộc tính: Các trường thông tin (cột) cấu thành nên danh mục đó. (Ví dụ: Danh mục Dân tộc bắt buộc phải có 2 thuộc tính cấu thành là Mã dân tộc MaDanToc và Tên dân tộc TenDanToc).

Kiểu dữ liệu logic: Định dạng lưu trữ của thuộc tính trong cơ sở dữ liệu (Ví dụ: String là định dạng chuỗi ký tự, chữ cái hoặc văn bản).

Định dạng / Ràng buộc: Các quy tắc hoặc tập giá trị bắt buộc phải tuân thủ khi nhập liệu để hệ thống kiểm soát (Ví dụ: Mã giới tính chỉ được phép nhập số 0, 1 hoặc 2).

Mô tả: Giải thích rõ ý nghĩa và mục đích sử dụng của từng thuộc tính.

Mã Từ vựng Quốc gia (CDE): Là mã định danh tiêu chuẩn do Bộ Công an (Trung tâm Dữ liệu Quốc gia) cấp cho các danh mục dùng chung toàn quốc. Việc tham chiếu mã này bảo đảm khi hệ thống của Đảng liên thông dữ liệu, các bảng phân loại sẽ khớp hoàn toàn với quy chuẩn của các cơ quan Nhà nước.

Phiên bản: Số hiệu phiên bản ban hành của danh mục, giúp quản lý lịch sử cập nhật, nâng cấp khi có thay đổi từ các quy định pháp luật (Ví dụ: Phiên bản 1.0).

Trạng thái: Tình trạng hiệu lực của danh mục. Trạng thái Active thể hiện danh mục này đang có hiệu lực thi hành và bắt buộc phải áp dụng trong các dự án công nghệ thông tin.

QUY ĐỊNH
về định danh và xác thực điện tử
trong hệ thống thông tin của các cơ quan đảng

- Căn cứ Quyết định số 259-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương đảng;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;

- Căn cứ Quy chế số 07-QC/TW, ngày 31/10/2025 của Ban Bí thư về tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng;

- Căn cứ Quy định số 379-QĐ/TW, ngày 22/10/2025 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng;

- Theo đề nghị của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu.

Chánh Văn phòng Trung ương Đảng ban hành Quy định về định danh và xác thực điện tử trong hệ thống thông tin của các cơ quan đảng như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh việc định danh và xác thực điện tử đối với người dùng, tài khoản đơn vị, tài khoản dịch vụ và các chủ thể khác có truy cập vào hệ thống thông tin, áp dụng trên hai môi trường mạng:

1. Các nền tảng số, ứng dụng, hệ thống thông tin vận hành trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng: Bao gồm các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, môi trường điện toán đám mây dùng riêng và các ứng dụng dùng chung do cơ quan đảng chủ trì quản lý, được triển khai trên hạ tầng mạng kết nối liên thông từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm theo Quy chế số 07-QC/TW, ngày 31/10/2025

của Ban Bí thư về tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng (Quy chế số 07-QC/TW).

2. Các nền tảng số, ứng dụng, hệ thống thông tin vận hành trên Mạng Internet: Bao gồm các dịch vụ, phần mềm ứng dụng của cơ quan đảng triển khai trên môi trường Internet công cộng phục vụ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng truy cập, khai thác (chỉ xử lý thông tin không có độ mật), bảo đảm theo Quy chế số 07-QC/TW.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan đảng các cấp, đảng viên trong toàn Đảng (sau đây gọi chung là cán bộ).

2. Nhà thầu, chuyên gia, tổ chức cung cấp dịch vụ kỹ thuật được cấp quyền truy cập có hạn vào hệ thống thông tin của cơ quan đảng. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng này phải có hợp đồng hoặc quyết định phân công còn hiệu lực, ký cam kết bảo mật thông tin theo quy định; tài khoản được cấp giới hạn theo đúng phạm vi công việc và thời hạn hợp đồng hoặc quyết định.

3. Các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị tham gia giao dịch điện tử với các cơ quan đảng bằng hệ thống thông tin của các cơ quan đảng.

4. Đơn vị sự nghiệp, cơ sở đào tạo chính trị, cơ quan báo chí và tổ chức nghiên cứu trực thuộc hệ thống Đảng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Định danh điện tử" là quá trình xác lập và quản lý tập hợp các thông tin điện tử dùng để xác định duy nhất một chủ thể (cá nhân, tổ chức hoặc thiết bị) trong môi trường điện tử, bảo đảm phân biệt chủ thể đó với các chủ thể khác (theo Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).

2. "Xác thực điện tử" là quá trình kiểm tra, xác nhận sự tương ứng chính xác giữa chủ thể và thông tin định danh điện tử của chủ thể đó trong môi trường điện tử, làm cơ sở cho phép truy cập vào hệ thống thông tin (theo Khoản 6, Điều 3 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).

3. "Tài khoản" là tập hợp gồm thông tin định danh, thông tin xác thực và quyền truy cập được cấp cho người dùng hoặc hệ thống để sử dụng hệ thống thông tin của cơ quan đảng, bao gồm tài khoản cá nhân, tài khoản đơn vị và tài khoản dịch vụ.

4. "Vòng đời tài khoản" là toàn bộ quá trình từ khi tài khoản được cấp phát đến khi bị xoá, trải qua các trạng thái: Chờ kích hoạt, đang hoạt động, tạm khoá, vô hiệu hoá và đã xoá.

5. "VNeID" là ứng dụng định danh điện tử quốc gia do Bộ Công an quản lý, là phương thức xác thực điện tử ưu tiên trong các cơ quan đảng.

6. "Hệ thống định danh tập trung" là nền tảng quản lý danh tính điện tử thống nhất cho toàn hệ thống các cơ quan đảng, do Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu vận hành, bảo đảm liên thông với hệ thống định danh điện tử quốc gia.

7. "Đầu mối công nghệ thông tin đơn vị" là bộ phận hoặc cán bộ được chỉ định chịu trách nhiệm về công nghệ thông tin tại cơ quan đảng các cấp, là đầu mối phối hợp với Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu trong quản lý tài khoản (sau đây gọi là Đầu mối CNTT).

8. "Giao dịch điện tử" là giao dịch thực hiện bằng phương tiện điện tử giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống Đảng hoặc với bên ngoài trên môi trường số (theo Quy định số 379-QĐ/TW, ngày 22/10/2025 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng).

9. "Xác thực đa yếu tố (MFA - Multi-Factor Authentication)" là phương thức xác thực yêu cầu người dùng cung cấp từ hai yếu tố xác thực trở lên từ các nhóm khác nhau (yếu tố biết, yếu tố sở hữu, yếu tố sinh trắc học) trước khi được phép truy cập hệ thống.

10. "Đăng nhập một lần (SSO - Single Sign-On)" là cơ chế cho phép người dùng đăng nhập một lần vào Hệ thống định danh tập trung và được tự động xác thực trên tất cả các ứng dụng được phân quyền, không cần đăng nhập lại.

11. "Định danh tổ chức" là mã định danh điện tử duy nhất được cấp cho một cơ quan, tổ chức đảng để thực hiện giao dịch điện tử theo tư cách pháp lý của cơ quan, tổ chức đó.

12. "Quyền truy cập đặc quyền" là quyền hạn được cấp cho tài khoản quản trị để cấu hình hệ thống, can thiệp vào cơ sở dữ liệu hoặc thay đổi quyền của người dùng khác.

Điều 4. Nguyên tắc định danh và xác thực điện tử

1. Tính duy nhất và chính xác: Mỗi cán bộ chỉ được cấp một tài khoản, một định danh điện tử duy nhất trong toàn hệ thống; thông tin định danh phải được xác minh chặt chẽ trước khi cấp phát. Cán bộ kiêm nhiệm nhiều vị trí công tác có thể được cấp quyền truy cập tương ứng với từng vị trí kiêm nhiệm, nhưng chỉ trên một tài khoản duy nhất.

2. Ưu tiên VNeID: VNeID mức độ 2 trở lên là phương thức xác thực điện tử ưu tiên, bảo đảm liên thông với hệ thống định danh điện tử quốc gia.

3. Phân cấp xác thực theo mức độ rủi ro: Mức độ xác thực được áp dụng tương ứng với mức độ nhạy cảm của thông tin và mức độ rủi ro của giao dịch; hệ thống chứa thông tin có độ mật cao áp dụng phương thức xác thực chặt chẽ hơn.

4. Phân quyền theo vai trò và nguyên tắc tối thiểu đặc quyền: Quyền truy cập được cấp theo vai trò, chức vụ, nhiệm vụ được giao theo nguyên tắc tối thiểu đặc quyền, bảo đảm không vượt quá quyền hạn cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

5. Mọi truy cập vào hệ thống thông tin của cơ quan đảng phải thực hiện xác thực điện tử.

6. Không cho phép truy cập ẩn danh vào hệ thống thông tin, trừ trang thông tin điện tử công khai chỉ phục vụ tra cứu, tuyên truyền không yêu cầu đăng nhập.

Chương II ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

Điều 5. Phân loại tài khoản

Tài khoản trong Hệ thống định danh tập trung của các cơ quan đảng gồm ba loại:

1. Tài khoản cá nhân: Cấp cho từng cán bộ; phân thành tài khoản thông thường (người dùng) và tài khoản quản trị (người có chức năng quản trị hệ thống).

2. Tài khoản đơn vị: Cấp cho các cơ quan, tổ chức đảng có tư cách pháp lý để thực hiện các giao dịch điện tử và xử lý công việc theo tư cách tập thể.

3. Tài khoản dịch vụ: Cấp cho ứng dụng, hệ thống tự động để thực hiện kết nối, tích hợp và trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong cơ quan đảng.

Tài khoản dịch vụ phải được kiểm soát chặt chẽ và được rà soát định kỳ 3 tháng/lần để kiểm tra tính cần thiết, thu hồi tài khoản không còn sử dụng và cập nhật phân quyền cho phù hợp.

Điều 6. Điều kiện và quy trình cấp phát tài khoản cá nhân

1. Điều kiện cấp tài khoản cá nhân

a) Có quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, biệt phái, hợp đồng làm việc hoặc quyết định phân công còn hiệu lực tại cơ quan đảng; đã xác minh danh tính qua tài khoản VNeID mức độ 2 hoặc hồ sơ cán bộ do đơn vị quản lý cán bộ xác nhận.

b) Đối với đảng viên không là cán bộ trong các cơ quan đảng có tài khoản sẽ được tạo dựa trên số định danh cá nhân được đồng bộ từ cơ sở dữ liệu đảng viên.

2. Quy trình cấp phát tài khoản cá nhân

a) Đơn vị quản lý cán bộ lập danh sách, xác nhận điều kiện và đề nghị cấp tài khoản, kèm thông tin quyết định hoặc hợp đồng làm việc.

b) Hệ thống định danh tập trung xác minh, phê duyệt tài khoản và thông báo đến người dùng qua kênh liên lạc chính thức (như thư điện tử công vụ, hoặc các ứng dụng nội bộ...) trong vòng 1 ngày làm việc.

c) Người dùng thực hiện kích hoạt tài khoản và thiết lập mật khẩu lần đầu trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo.

d) Khi cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên được hoàn thiện và kết nối đồng bộ, việc cấp phát tài khoản sẽ được thực hiện tự động nhằm giảm thủ tục hành chính và hạn chế sai sót.

3. Cấp quyền truy cập được thực hiện đồng thời với cấp phát tài khoản, căn cứ vào vị trí, chức danh công tác của người dùng theo nguyên tắc tối thiểu đặc quyền. Mọi thay đổi về quyền truy cập phải được ghi nhận trong nhật ký hệ thống, bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát và truy vết.

Điều 7. Cấp phát tài khoản đơn vị và tài khoản dịch vụ

1. Điều kiện và quy trình cấp tài khoản đơn vị

a) Điều kiện: Cơ quan, tổ chức đảng có tư cách pháp lý, có nhu cầu thực hiện giao dịch điện tử theo tư cách tập thể.

b) Quy trình: Lãnh đạo cơ quan, tổ chức đảng đề nghị cấp tài khoản đơn vị; Đầu mối CNTT đơn vị gửi yêu cầu lên Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu; Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu xem xét, phê duyệt và cấp trong vòng 3 ngày làm việc.

2. Điều kiện và quy trình cấp tài khoản dịch vụ

a) Điều kiện: Có phương án kỹ thuật kết nối được Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu phê duyệt; xác định rõ mục đích sử dụng, phạm vi truy cập và cơ chế xác thực.

b) Quy trình: Đơn vị chủ quản ứng dụng đề nghị cấp tài khoản dịch vụ kèm phương án kỹ thuật; Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu thẩm định và cấp trong vòng 5 ngày làm việc; tài khoản dịch vụ phải được rà soát định kỳ 3 tháng/lần để kiểm tra tính cần thiết, thu hồi tài khoản không còn sử dụng và cập nhật phân quyền cho phù hợp.

Điều 8. Liên kết VNeID và cấp chứng thư số

1. Mỗi cán bộ được cấp một tài khoản định danh điện tử thống nhất, gắn với VNeID của người đó theo quy định tại Điều 11 Quy định số 379-QĐ/TW. Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Công an tham mưu xây dựng lộ trình và giải pháp kỹ thuật tích hợp VNeID vào Hệ thống định danh tập trung.

2. Cán bộ hoạt động trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng và thực hiện ký số văn bản điện tử bắt buộc phải có chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.

3. Đối với cán bộ chưa có VNeID hoặc trong các tình huống đặc thù không sử dụng được VNeID (công tác nước ngoài, vùng không có kết nối Internet, chuyên gia được cấp quyền truy cập tạm thời...), áp dụng phương thức xác thực thay thế theo hướng dẫn của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, đồng thời phải hoàn thiện liên kết VNeID sau khi hết tình huống đặc thù.

4. Địa phương vùng khó khăn, khu vực chưa phủ sóng Internet ổn định được ưu tiên hỗ trợ kỹ thuật và có lộ trình liên kết VNeID phù hợp theo hướng dẫn riêng của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu.

Điều 9. Cập nhật và đồng bộ thông tin định danh

1. Thông tin định danh phải được cập nhật kịp thời khi có thay đổi về nhân sự, chức vụ, đơn vị công tác. Thời hạn cập nhật không quá 2 ngày làm việc kể từ khi phát sinh thay đổi.

2. Đơn vị quản lý cán bộ chịu trách nhiệm thông báo kịp thời (trong vòng 1 ngày làm việc) cho Đầu mối CNTT đơn vị khi có thay đổi thông tin định danh. Đầu mối CNTT đơn vị chịu trách nhiệm cập nhật thông tin lên Hệ thống định danh tập trung trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thông tin định danh tối thiểu bắt buộc phải đồng bộ và duy trì cập nhật bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân (số căn cước); mã định danh tổ chức của đơn vị công tác; chức vụ, chức danh; số điện thoại công vụ; địa chỉ thư điện tử công vụ; trạng thái công tác. Dữ liệu gốc về nhân sự do đơn vị quản lý cán bộ chịu trách nhiệm; thông tin định danh cá nhân được đối soát với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP.

Chương III **QUẢN LÝ VÒNG ĐỜI TÀI KHOẢN**

Điều 10. Tạm khoá tài khoản

1. Tài khoản bị tạm khoá tự động khi người dùng đăng nhập sai thông tin xác thực 5 lần liên tiếp. Thời gian tự động mở khoá là 30 phút. Để được mở khoá sớm hơn, người dùng phải xác nhận lại danh tính với Đầu mối CNTT.

2. Tài khoản bị tạm khoá theo quyết định của Đầu mối CNTT đơn vị trong các trường hợp:

a) Phát hiện dấu hiệu bất thường về truy cập hoặc có nghi ngờ tài khoản bị xâm phạm.

b) Người dùng hoặc đơn vị quản lý người dùng có đề nghị tạm khoá hoặc báo cáo mất thông tin xác thực.

3. Tài khoản tạm khoá được mở khoá sau khi người dùng xác nhận danh tính và đặt lại thông tin xác thực với Đầu mối CNTT đơn vị, hoặc khi điều kiện tạm khoá không còn theo đề nghị của cấp có thẩm quyền.

Điều 11. Vô hiệu hoá và tạm khoá theo trường hợp đặc thù

1. Tài khoản bị vô hiệu hoá ngay lập tức khi:

a) Cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác ra ngoài hệ thống cơ quan đảng, thôi việc, bị kỷ luật khai trừ khỏi Đảng, bị đình chỉ công tác hoặc bị tạm đình chỉ sinh hoạt đảng.

b) Tài khoản được xác định bị xâm phạm nhưng chưa xác định được phạm vi, mức độ thiệt hại.

c) Cán bộ nghỉ không lương trên 12 tháng mà chưa có quyết định gia hạn.

2. Tài khoản bị tạm khoá (không vô hiệu hoá) trong các trường hợp (trừ trường hợp đơn vị quản lý cán bộ có đề nghị duy trì trạng thái hoạt động để phục vụ công việc):

a) Cán bộ nghỉ thai sản, nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội; tài khoản được tự động mở khoá khi cán bộ trở lại làm việc.

b) Cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập trung có thời hạn trên 6 tháng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; tài khoản được mở khoá khi cán bộ hoàn thành khoá học.

c) Cán bộ biệt phái sang cơ quan ngoài hệ thống Đảng có thời hạn; tài khoản được mở khoá khi cán bộ hết thời hạn biệt phái và trở về.

3. Tài khoản bị vô hiệu hoá theo quyết định của Đầu mối CNTT đơn vị khi:

Tài khoản không được sử dụng liên tục trong vòng 90 ngày (đối với Mạng thông tin diện rộng của Đảng) hoặc 30 ngày (đối với Mạng Internet) mà không có lý do chính đáng được xác nhận bằng văn bản; có quyết định của người có thẩm quyền.

4. Đơn vị quản lý cán bộ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Đầu mối CNTT của đơn vị trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi phát sinh các sự kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

5. Tài khoản vô hiệu hoá có thể được tái kích hoạt khi người dùng được tuyển dụng trở lại hoặc có quyết định của cấp có thẩm quyền, theo quy trình cấp phát mới quy định tại Điều 6 Quy định này.

6. Trường hợp cán bộ được điều động hoặc luân chuyển trong hệ thống các cơ quan đảng (không ra ngoài hệ thống): Thực hiện cập nhật đơn vị công tác, chức vụ và phân quyền theo vị trí mới; quyền truy cập cũ phải được thu hồi trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi nhận quyết định điều động; tài khoản không bị vô hiệu hoá và không bị gián đoạn quyền truy cập ở mức tối thiểu cần thiết phục vụ bàn giao công việc trong thời gian chuyển tiếp.

Điều 12. Xoá tài khoản và lưu trữ hồ sơ

1. Tài khoản vô hiệu hoá bị xoá khỏi Hệ thống định danh tập trung sau 24 tháng; Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu tổ chức rà soát định kỳ 6 tháng để xử lý.

2. Xóa tài khoản không đồng nghĩa với xóa dữ liệu nghiệp vụ và hồ sơ điện tử liên quan. Hồ sơ tài khoản được lưu trữ tối thiểu 5 năm; dữ liệu nghiệp vụ và hồ sơ điện tử được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Nhật ký truy cập, lịch sử xác thực và lịch sử cấp quyền được lưu trữ tối thiểu 5 năm phục vụ công tác kiểm tra, truy vết sự cố và yêu cầu kiểm toán an toàn thông tin.

Chương IV

XÁC THỰC ĐIỆN TỬ THEO MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 13. Xác thực trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng

1. Khi truy cập các hệ thống thông tin, ứng dụng nội bộ trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng, người dùng đăng nhập tập trung qua Hệ thống danh tập trung, sử dụng một tài khoản duy nhất để truy cập tất cả ứng dụng được phân quyền (Single Sign-On - SSO).

2. Yêu cầu về mật khẩu: a) Tối thiểu 8 ký tự, bao gồm đủ 4 nhóm: Chữ hoa, chữ thường, chữ số và ký tự đặc biệt. b) Không trùng với 2 mật khẩu đã sử dụng gần nhất; không chứa tên đăng nhập hoặc thông tin cá nhân dễ đoán. c) Thay đổi định kỳ trong vòng 365 ngày kể từ lần thiết lập trước. d) Người dùng phải thay đổi mật khẩu ngay khi phát hiện hoặc nghi ngờ có dấu hiệu mất an toàn thông tin (các yêu cầu về mật khẩu quy định tại khoản này áp dụng đối với tài khoản cá nhân. Tài khoản đơn vị và tài khoản dịch vụ không sử dụng phương thức xác thực bằng mật khẩu; các yêu cầu bảo mật đối với tài khoản này thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này).

3. Trong quá trình sử dụng, nếu người dùng thực hiện ký số văn bản điện tử hoặc truy cập các hệ thống có yêu cầu bảo mật cao, bắt buộc phải kết hợp xác thực bằng chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ. Tài khoản và chứng thư số phải tương ứng với cùng một chủ thể; nghiêm cấm sử dụng tài khoản hoặc chứng thư số của người khác dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Đối với các ứng dụng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có xử lý, lưu trữ thông tin độ mật từ "Mật" đến "Tối mật", quá trình xác thực điện tử và kiểm soát truy cập phải tích hợp, sử dụng giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 5 và Khoản 2, Điều 9 Quy chế số 07-QC/TW.

5. Quá trình đăng nhập và xác thực vào Mạng thông tin diện rộng của Đảng phải được thực hiện trên thiết bị đầu cuối đáp ứng quy định về an toàn,

bảo mật; tuyệt đối không thực hiện xác thực từ các thiết bị đang kết nối đồng thời hoặc luân phiên với mạng Internet theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Quy chế số 07-QC/TW.

Điều 14. Xác thực trên môi trường Internet

1. Xác thực qua VNeID mức độ 2 trở lên là phương thức ưu tiên, bắt buộc áp dụng khi tài khoản đã được liên kết VNeID.

2. Đối với tài khoản chưa liên kết VNeID, sử dụng tài khoản nội bộ được cấp bởi Hệ thống định danh tập trung kết hợp xác thực đa yếu tố (MFA); đồng thời phải thực hiện liên kết VNeID theo lộ trình quy định tại Điều 8 Quy định này.

3. Toàn bộ phiên truy cập qua Internet phải sử dụng kênh mã hoá an toàn (HTTPS/TLS phiên bản được Ban Cơ yếu Chính phủ khuyến nghị).

4. Hệ thống thông tin của cơ quan đảng trên môi trường Internet chỉ xử lý thông tin không có độ mật. Nghiêm cấm xử lý, lưu trữ hoặc truyền dẫn thông tin có độ mật dưới bất kỳ hình thức nào trên môi trường Internet.

5. Các hệ thống thông tin của cơ quan đảng triển khai trên Internet phải được kiểm định an toàn thông tin định kỳ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền trước khi đưa vào vận hành và ít nhất 1 năm một lần trong quá trình vận hành.

Điều 15. Các hành vi bị nghiêm cấm trong xác thực điện tử

Nghiêm cấm các hành vi sau trong việc thực hiện định danh và xác thực điện tử:

1. Các hành vi bị nghiêm cấm khi thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng theo quy định của Ban Bí thư.

2. Lưu trữ khoá bí mật, mật khẩu và thông tin xác thực trên thiết bị không được phép, trên dịch vụ lưu trữ đám mây công cộng nước ngoài hoặc môi trường không được kiểm soát.

3. Chia sẻ, chuyển giao hoặc cho mượn tài khoản, mật khẩu, thiết bị xác thực dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Giả mạo danh tính điện tử; tạo lập tài khoản hoặc định danh điện tử trái phép trong hệ thống của cơ quan đảng.

5. Che giấu, không báo cáo sự cố xâm phạm tài khoản, định danh hoặc an toàn thông tin hệ thống.

6. Kết nối các thiết bị ngoại vi chưa được đánh giá an ninh, an toàn vào các máy tính tham gia Mạng thông tin diện rộng của Đảng.

Chương V **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

Điều 16. Trách nhiệm của người dùng tài khoản

1. Bảo mật tài khoản, mật khẩu và thông tin xác thực; không cung cấp, chia sẻ, cho mượn hoặc nhờ người khác đăng nhập thay dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Thiết lập mật khẩu ngay khi nhận tài khoản lần đầu và thực hiện thay đổi định kỳ theo quy định tại Điều 13.

3. Đăng xuất ngay sau khi kết thúc phiên làm việc, đặc biệt đối với thiết bị sử dụng chung.

4. Báo cáo ngay (trong vòng 2 giờ) cho Đầu mối CNTT đơn vị khi phát hiện hoặc nghi ngờ tài khoản bị xâm phạm.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân về toàn bộ hoạt động được thực hiện dưới tên tài khoản của mình, trừ trường hợp đã báo cáo sự cố đúng quy định và được xác nhận.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị quản lý cán bộ

1. Thông báo kịp thời (trong vòng 1 ngày làm việc) cho Đầu mối CNTT đơn vị khi có thay đổi nhân sự liên quan đến điều kiện cấp phát, tạm khoá, vô hiệu hoá hoặc thu hồi tài khoản.

2. Xác nhận danh sách cán bộ đề nghị cấp tài khoản, cấp chứng thư số và cấp quyền truy cập đặc quyền; chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đề nghị.

3. Phối hợp với Đầu mối CNTT đơn vị trong rà soát định kỳ danh sách tài khoản, đối chiếu với thực tế nhân sự để xử lý kịp thời các trường hợp thay đổi.

Điều 18. Trách nhiệm của đầu mối công nghệ thông tin đơn vị

1. Tiếp nhận, xử lý và gửi yêu cầu cấp mới, thay đổi, tạm khoá, vô hiệu hoá, xoá tài khoản lên Hệ thống định danh tập trung trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận yêu cầu hợp lệ.

2. Rà soát định kỳ 6 tháng danh sách tài khoản, đối chiếu với thực tế nhân sự, đề xuất xử lý tài khoản không còn phù hợp; lưu trữ nhật ký toàn bộ thao tác quản trị tài khoản; kiểm tra định kỳ tài khoản quản trị và tài khoản dịch vụ có quyền cao.

3. Hỗ trợ cán bộ liên kết VNeID và cấp chứng thư số; hướng dẫn người dùng thực hiện đúng quy định về xác thực và bảo mật tài khoản.

4. Tiếp nhận, xử lý ban đầu và báo cáo ngay lên Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu (trong vòng 2 giờ) khi phát sinh sự cố bảo mật liên quan đến tài khoản hoặc hệ thống định danh.

Điều 19. Trách nhiệm của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu

1. Xây dựng, vận hành và bảo đảm hoạt động liên tục, ổn định, an toàn của Hệ thống định danh tập trung.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an tích hợp VNeID, đánh giá năng lực hạ tầng xác thực VNeID trước khi triển khai đồng loạt; phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng; lưu trữ và giám sát nhật ký định danh, xác thực điện tử phục vụ công tác kiểm tra, điều tra và xử lý sự cố.

3. Ứng phó sự cố: Khi phát hiện sự cố xâm phạm hệ thống định danh, lập tức cô lập, báo cáo cơ quan cấp trên và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan điều tra, khắc phục trong thời gian sớm nhất.

4. Thực hiện đồng bộ và đối soát định kỳ thông tin định danh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; bảo đảm bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình đồng bộ theo quy định của Chính phủ.

5. Thực hiện ánh xạ và kết nối mã định danh tổ chức của cơ quan Đảng với mã định danh trong hệ thống dùng chung của Nhà nước, theo quy định của Chính phủ.

6. Ban hành và cập nhật danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng về xác thực điện tử, mã hoá, kết nối, giao thức API và các tiêu chuẩn liên quan, dẫn chiếu các quy chuẩn kỹ thuật do Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của lãnh đạo các cơ quan Đảng

1. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài khoản và an toàn thông tin tại đơn vị; phổ biến, quán triệt Quy định này đến toàn thể cán bộ thuộc quyền quản lý.

2. Bảo đảm 100% cán bộ trong đơn vị được cấp tài khoản, liên kết VNeID và cấp chứng thư số theo đúng lộ trình tại Điều 8.

3. Xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước đối với cán bộ vi phạm Quy định này, đặc biệt các vi phạm gây nguy cơ hoặc hậu quả mất an toàn thông tin, lộ lọt bí mật của Đảng.

4. Phối hợp, tạo điều kiện cho công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán hệ thống định danh và xác thực điện tử của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu và cơ quan có thẩm quyền.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các quy định trước đây của Văn phòng Trung ương Đảng về quản lý tài khoản truy cập hệ thống thông tin không còn phù hợp.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hệ thống định danh và xác thực điện tử đã được triển khai trước ngày Quy định này có hiệu lực phải được rà soát, đánh giá và nâng cấp để phù hợp trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực. Tiêu chí xác định hoàn thành chuyển đổi: 100% tài khoản được tập trung về Hệ thống định danh tập trung; các phương thức xác thực tuân thủ Quy định này; kết quả kiểm thử và nghiệm thu kỹ thuật đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu.

2. Dữ liệu định danh, tài khoản và hồ sơ người dùng đang được quản lý phân tán tại các đơn vị phải được chuyển đổi, tập trung về Hệ thống định danh tập trung theo kế hoạch do Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu xây dựng và phê duyệt, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động nghiệp vụ và không để mất mát dữ liệu.

3. Trong thời gian chuyển tiếp, các tài khoản và phương thức xác thực hiện hành tiếp tục có hiệu lực, song song vận hành với Hệ thống định danh tập trung theo hướng dẫn của Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu; các quy định về an toàn mật khẩu, các hành vi bị nghiêm cấm (tại Chương IV) và trách nhiệm của các bên (tại Chương V) được áp dụng ngay từ ngày Quy định này có hiệu lực.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì, theo dõi, đôn đốc, định kỳ kiểm tra và đánh giá tuân thủ việc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan đảng Trung ương tổ chức triển khai tại đơn vị và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện.

3. Các đảng uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương ban hành hướng dẫn cụ thể hoá Quy định này, bảo đảm không trái với Quy định này và phù hợp điều kiện thực tế địa phương.

4. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện phản ánh về Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu để tổng hợp, báo cáo Chánh Văn phòng Trung ương Đảng xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Các cơ quan đảng ở Trung ương;
- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Đồng chí Chánh Văn phòng
Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Các đồng chí lãnh đạo Văn phòng
Trung ương Đảng;
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Võ Thành Hưng